



CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI

**PHÚ SƠN**

**BÁO  
CÁO  
THƯỜNG  
NIÊN  
NĂM  
2014**



*2014*

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014**

Tháng 04/2015

## **VIẾT TẮT**

**BCTN:** Báo cáo thường niên

**CTCP:** Công ty cổ phần

**HDQT:** Hội đồng quản trị

**BGD:** Ban giám đốc

**BKS:** Ban kiểm soát

**Công ty:** Công ty cổ phần chăn nuôi Phú Sơn

**GIỚI THIỆU CÔNG TY**

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2014**

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**NỘI  
DUNG**

# GIỚI THIỆU

Tên giao dịch:	<b>Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn</b>
Giấy CNĐKDN số:	3600271092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đồng Nai cấp, đăng ký thay đổi lần thứ ba vào ngày 05/09/2013
Vốn điều lệ:	45.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư CSH:	45.000.000.000 đồng
Địa chỉ:	101 Ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
Số điện thoại:	(061)3.869064- 3869700
Số fax:	(061)3.869065
Email:	<a href="mailto:phuson@cnphuson.com.vn">phuson@cnphuson.com.vn</a>
Website:	<a href="http://www.channuoiphuson.com.vn">www.channuoiphuson.com.vn</a>
Mã cổ phiếu:	PSL



# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014**





VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1976

Thành lập Quốc doanh chăn nuôi heo Phú Sơn vào tháng 03/1976

Năm 1984

Quốc doanh chăn nuôi heo Phú Sơn sáp nhập vào Công ty Chăn nuôi Đồng Nai

Năm 1994

Quốc doanh chăn nuôi heo Phú Sơn được tách khỏi Công ty Chăn nuôi Đồng Nai thành đơn vị hạch toán độc lập và đổi tên thành Xí nghiệp chăn nuôi heo Phú Sơn.

Công ty tiếp nhận xí nghiệp chăn nuôi heo Long Thành vào tháng 12/1994.

Năm 1997

Công ty tiếp nhận Xí nghiệp chăn nuôi heo Đông Phương

Năm 2005

- Công ty tiếp nhận Xí nghiệp chăn nuôi gà Đồng Nai
- Cổ phần hóa, Công ty cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn được thành lập vào ngày 01 tháng 10 năm 2005

Năm 2010

Đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán (UpCOM)

HÌNH THÀNH &  
PHÁT TRIỂN



## CÁC THÀNH TÍCH



Trong quá trình hoạt động và phát triển, Ban lãnh đạo công ty không ngừng nỗ lực nhằm phát triển Công ty hội nhập vào xu thế mới. Từ 1979 đến nay, Công ty đã được Nhà nước phong tặng nhiều danh hiệu cao quý, cụ thể:

- Năm 1979: Huân chương lao động hạng 3.
- Năm 1992: Huân chương lao động hạng 2.
- Năm 1996: Huân chương lao động hạng 1.
- Năm 2000: Anh hùng lao động.



Bên cạnh đó, Công ty còn vinh dự được trao tặng nhiều giải thưởng uy tín từ hiệp hội người tiêu dùng như:

- Năm 2005: Cúp vàng Thương Hiệu Việt.
- Năm 2006: Cúp vàng Topten sản phẩm uy tín chất lượng.
- Năm 2007: Cúp vàng "Thương hiệu và nhãn hiệu".



Năm 2003: Công ty nhận chứng chỉ Quản lý chất lượng ISO 9001:2000

Năm 2010: Công ty đã chuyển đổi sang chứng chỉ ISO 9001:2008

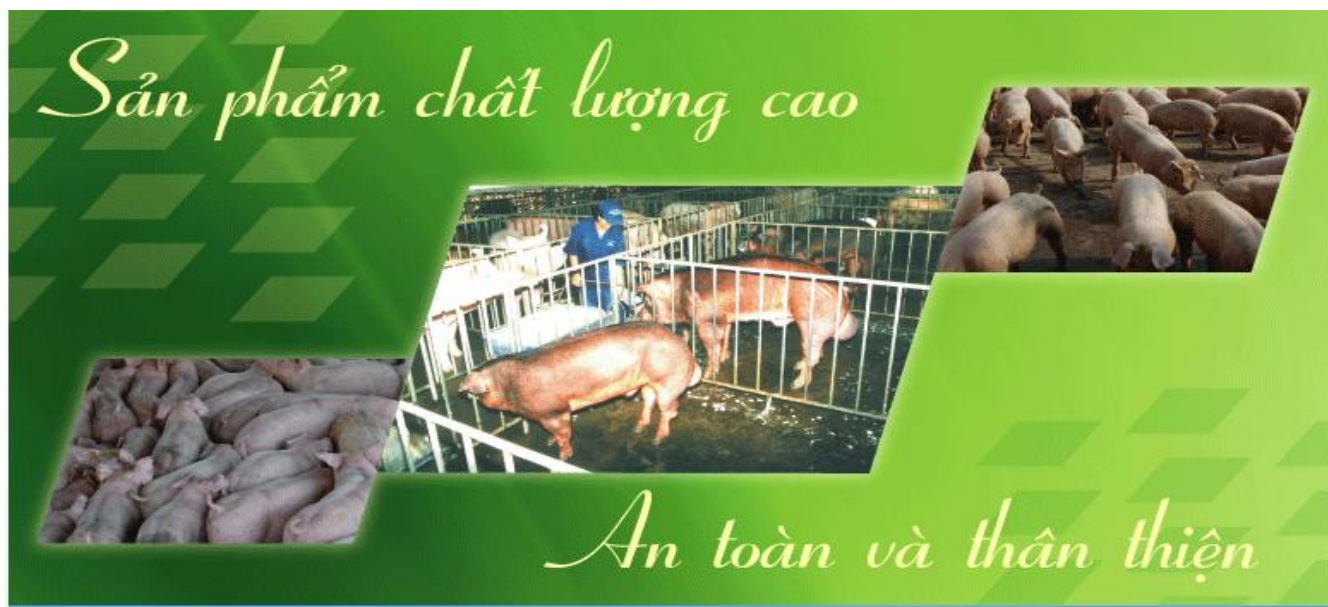
### ***Ngành nghề kinh doanh***

- Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm (chăn nuôi đà điểu);
- Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (với những sản phẩm chính là các loại gia súc, gia cầm và những vật nuôi khác như: cá sấu, đà điểu, baba, rắn và các loại nông sản, nguyên vật liệu chế biến thức ăn gia súc, chăn nuôi);
- Chăn nuôi khác (rắn, baba, cá sấu);
- Buôn bán thực phẩm (các loại thủy sản);
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (chế biến súc sản, thủy sản);
- Hoạt động thú y (cố vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ chăn nuôi);
- Xây dựng nhà các loại (xây dựng chuồng trại, cơ sở hạ tầng);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (cụ thể như sản xuất nguyên vật liệu, chế biến thức ăn gia súc chăn nuôi);
- Nuôi trồng thủy sản nội địa (sản xuất thủy sản);
- Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (buôn bán xăng dầu nhớt theo mạng lưới xăng dầu của tỉnh);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (kinh doanh bất động sản, kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư).

### ***Địa bàn kinh doanh***

Công ty cung cấp ra thị trường toàn quốc các sản phẩm chăn nuôi gia súc đảm bảo tiêu chuẩn sạch, không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định. Những thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty với số lượng đáng kể bao gồm:

- Heo thịt chủ yếu được tiêu thụ tại thị trường các tỉnh miền Đông Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh.
- Heo giống chủ yếu được tiêu thụ tại các tỉnh miền Trung trở vào đến các tỉnh miền Đông và Tây Nam Bộ. Tinh heo chủ yếu được tiêu thụ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

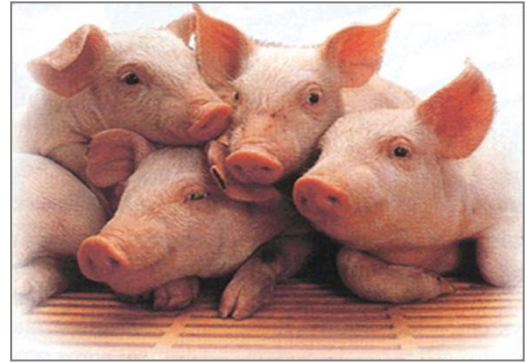




## *Những sản phẩm tiêu biểu*

### Heo giống nuôi thịt

Sản phẩm bán ra thị trường là những heo con nuôi thịt khoảng 65 ngày tuổi có trọng lượng từ 18-25kg. Những heo giống này đã được tiêm phòng đầy đủ các loại vaccine cho một số bệnh như: Dịch tả, Lở mồm long móng (FMD), Myco Plasma, PRRS (tai xanh), v.v...



### Heo hậu bị giống

Heo hậu bị đực gồm các giống thuần Yorkshire, Landrade, Duroc.

Heo hậu bị cái gồm các giống Yorkshia, Landrade, Duroc thuần hoặc heo lai Land - York, heo lai York - Land. Heo có nguồn gốc từ các giống heo ngoại nhập cho năng suất cao. Heo con nuôi thịt có khả năng phát triển tốt, mau lớn.



### Heo thịt

Là heo có chất lượng tốt từ những giống heo cho tỷ lệ thịt cao. Cam kết không sử dụng các hóa chất cấm. Đảm bảo không có chất kháng sinh vì đã áp dụng thời gian ngừng thuốc đúng quy định.



### Tinh heo

### Cá sấu



## ❖ Mô hình quản trị

Hiện nay, Công ty cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn là Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai, với tỷ lệ nắm giữ ở PSL là 73,56% vốn điều lệ (tương đương 3.310.088 cổ phiếu PSL).

Ngoài ra, từ năm 2010, Công ty Cổ phần Đầu tư và quản lý KLH Công Nông Nghiệp Đồng Nai đã trở thành Công ty liên kết của Phú Sơn.



## **Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai**

*Trụ sở chính*                      *21, Đường 2A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Đồng Nai.*

*Hoạt động kinh doanh chính*                      *Sản xuất công nghiệp; cung cấp vật tư nông nghiệp và chế biến nông sản thực phẩm; khai thác tài nguyên và sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; dịch vụ - du lịch – thương mại – xuất nhập khẩu.*

*Điện thoại*                      *061.3836110*  
*Fax*                                      *061.3836132*  
*Website*                              *<http://www.dofico.com.vn>*

## **Công ty cổ phần Đầu tư quản lý Khu liên hợp Công Nông Nghiệp Đồng Nai (AGROPARK)**

*Trụ sở chính: Số 23 (khu B), đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*

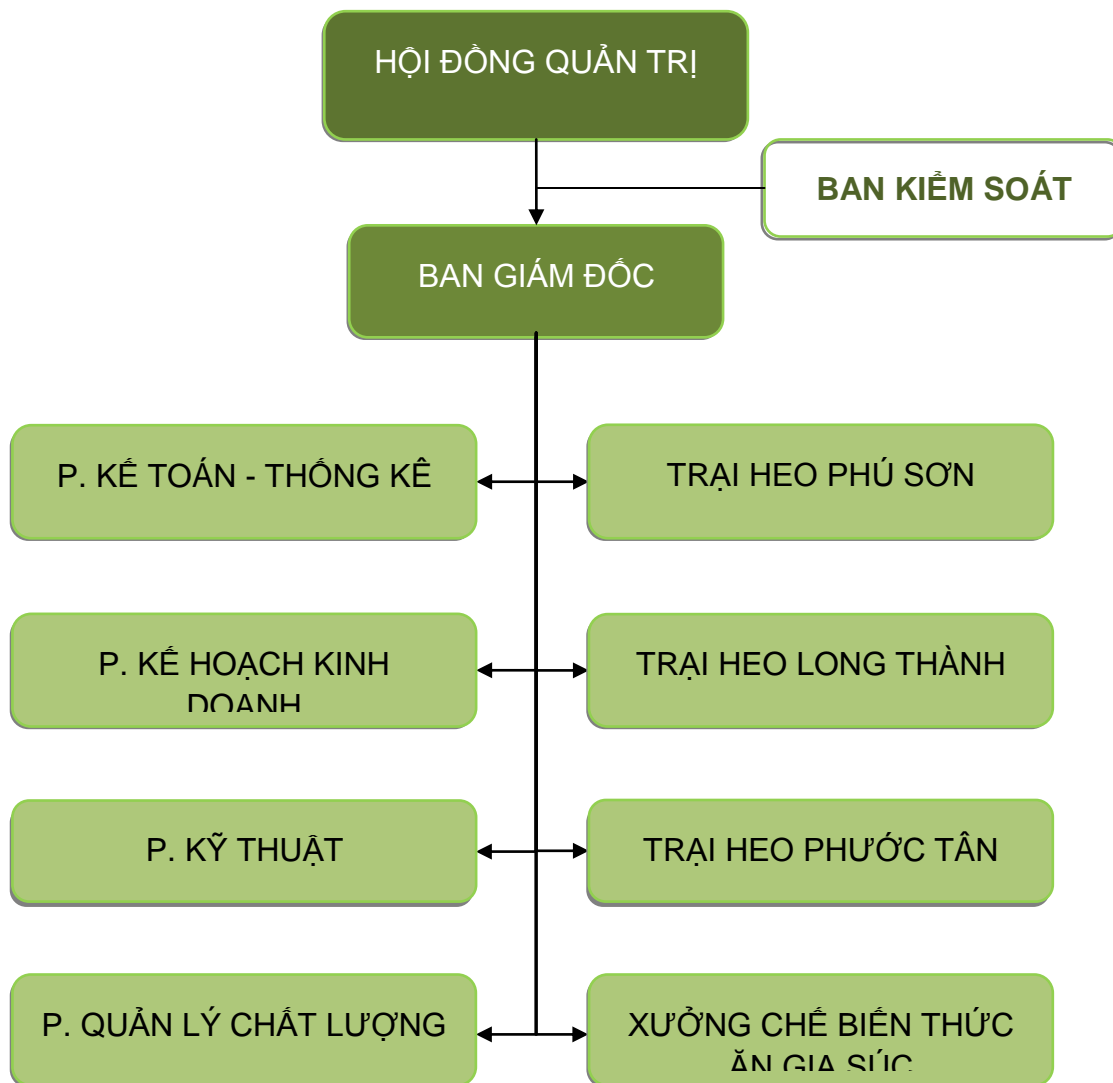
*Điện thoại*    *061.3 993 449*

*Fax*    *061.8 899 828*

*Website*                      *<http://agropark.vn/>*

## CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Kể từ khi cổ phần hóa vào ngày 01/10/2005, mô hình quản trị doanh nghiệp mới đã được áp dụng tại Công ty cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn bao gồm Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành đứng đầu là Giám đốc, Các đơn vị và chức danh quản lý khác của công ty. Việc cơ cấu lại mô hình quản trị đã góp phần vào việc tăng cường hiệu quả quản lý, quản trị điều hành, nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị đối với bộ máy điều hành; và nâng cao hiệu quả trong công tác chỉ đạo chiến lược, kiểm toán, quản lý tài chính, rủi ro, nhân sự cao cấp và đầu tư.



Hình 2. Sơ đồ bộ máy quản lý



# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



## **Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty**

### **Chất lượng sản phẩm:**

- Cam kết cung cấp sản phẩm an toàn vệ sinh thực phẩm, chất lượng cao.

### **Quy mô sản xuất:**

- Khai thác hiệu quả cơ sở vật chất chuồng trại và tận dụng các phế phẩm để giải quyết các vấn đề môi trường để không ngừng mở rộng quy mô sản xuất.

### **Hiệu quả sản xuất kinh doanh:**

- Áp dụng kỹ thuật quản lý hiện đại và xây dựng hệ thống quản trị rủi ro nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

### **Đa dạng hóa các mặt hàng sản xuất và dịch vụ:**

- Triển khai, mở rộng, đa dạng hóa hoạt động sản xuất khác như kinh doanh xăng dầu, sử dụng khu đất để liên doanh xây dựng các khu dân cư, v.v...bên cạnh hoạt động chủ lực là chăn nuôi.

### **Công tác bảo vệ môi trường, vệ sinh thú y:**

- Tuân thủ quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

### **Hoạt động đầu tư:**

- Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định.



## **❖ Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

Đối với công tác sản xuất

- Không ngừng nghiên cứu các loại giống mới nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng các giống hiện có;
- Phòng ngừa và hạn chế tối đa các dịch bệnh thông qua công tác chăm sóc và kiểm tra định kỳ;
- Tập trung đầu tư cho đàn heo hậu bị và heo nái nhằm tạo bước đột phá về năng suất.

Đối với công tác quản lý

- Nghiêm túc thực hiện đầy đủ quy định theo chuẩn của hệ thống ISO;
- Tăng cường kiểm soát việc tuân thủ các quy trình, quy định theo hệ thống ISO.



## **❖ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty**

Bảo vệ môi trường và trách nhiệm đối với xã hội là một phần quan trọng trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Theo đó, Công ty luôn thực hiện nghiêm túc các quy định về xử lý chất thải, giữ gìn môi trường cho mục tiêu phát triển bền vững. Ngoài ra, trong năm 2014, Công ty còn thực hiện các hoạt động từ thiện, thiện nguyện nhằm hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn vì mục tiêu phát triển vì cộng đồng.

## CÁC RỦI RO

### Rủi ro Luật pháp

Hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi với mô hình Công ty cổ phần mang lại cho Công ty nhiều lợi thế trong việc thu hút đầu tư, gia tăng vị thế trên thị trường song cũng đòi hỏi Công ty phải luôn nghiêm túc tuân thủ hệ thống văn bản pháp luật có liên quan: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật thuế, Luật bảo vệ môi trường, các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm, v.v.... Một thay đổi nhỏ trong chính sách đôi khi lại gây ra những tác động to lớn mà nếu không có sự chuẩn bị trước Công ty khó có được giải pháp ứng xử phù hợp. Do đó việc chủ động cập nhật nhanh chóng các qui định pháp luật, hoàn thiện hệ thống quản lý, vận dụng phù hợp vào thực tế Công ty là yếu tố quan trọng góp phần hạn chế những rủi ro, đảm bảo việc phát triển an toàn và bền vững cho Công ty trong tương lai.

### Rủi ro về nguyên vật liệu

Một trong những rủi ro sống còn của doanh nghiệp là rủi ro về giá cả nguyên vật liệu và đặc biệt quan trọng đối với các doanh nghiệp chăn nuôi bởi giá thành thức ăn đã chiếm tới 65-70% chi phí. Bên cạnh đó, chất lượng con giống cũng là một yếu tố quyết định đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Với gần 40 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chăn nuôi, Công ty cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn luôn chủ động lựa chọn con giống tốt, nguồn thức ăn sạch, chất lượng cao, xây dựng kế hoạch dự trữ nguyên liệu hợp lý và linh hoạt theo từng giai đoạn sản xuất nhằm đảm bảo duy trì hoạt động công ty một cách hiệu quả, giảm thiểu những rủi ro từ biến động giá và chất lượng nguyên liệu, giữ vững sức cạnh tranh của các sản phẩm mang thương hiệu Phú Sơn.





### **Rủi ro về cạnh tranh**

Sức ép cạnh tranh trong lĩnh vực chăn nuôi tại Việt Nam khá lớn kể từ sau khi gia nhập WTO và sắp tới đây khi Hiệp định Đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) được ký kết với dự kiến thuế nhập khẩu nhiều sản phẩm thịt sẽ bằng 0%. Các sản phẩm thịt của doanh nghiệp nước ngoài với những lợi thế nhất định về công nghệ, con giống có giá thành khá rẻ, chất lượng tốt sẽ là một đối thủ cạnh tranh lớn đối với các doanh nghiệp trong nước. Để giữ vững vị thế của mình, trong thời gian qua Công ty đã kịp thời rà soát, nâng cấp hệ thống các trang trại theo hướng tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật, gắn kết các trang trại với nhau để cân bằng cung cầu, đầu tư nâng cao chất lượng con giống, bình ổn giá thức ăn, kiểm soát giá thành nhằm nâng sức cạnh tranh cho Công ty.

### **Rủi ro về dịch bệnh, điều kiện thời tiết**

Việc kém ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, duy trì thói quen chăn nuôi manh mún, lỗi thời, ý thức vệ sinh phòng chống bệnh kém, công tác kiểm soát dịch bệnh kém hiệu quả cùng với điều kiện thời tiết biến đổi bất thường được xem là một trong những nguyên nhân gây nên dịch bệnh trong chăn nuôi tại Việt Nam. Để kiểm soát được rủi ro này, Công ty luôn chú trọng công tác vệ sinh thú y, bảo đảm kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 nhằm chủ động kiểm soát và khống chế kịp thời các dịch bệnh nguy hiểm tại gia súc, gia cầm, bảo đảm sản phẩm cung cấp ra thị trường luôn sạch, khoẻ mạnh và an toàn vệ sinh thực phẩm.



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG



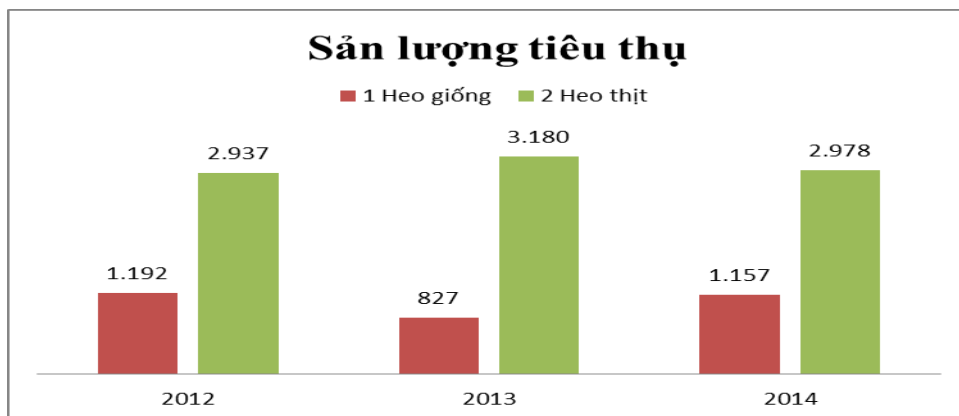




## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

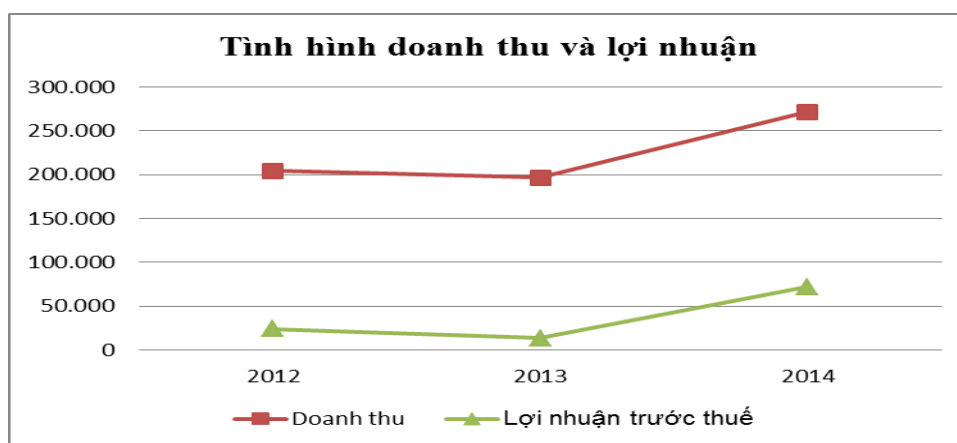
S T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	So sánh	
						TH 2014/ KH2014	TH 2014/ TH 2013
<b>1 Sản lượng hàng hóa thực hiện</b>							
-	Heo giống	Tấn	827	950	1.157	121,8	139,9
-	Heo thịt	Tấn	3.180	2.800	2.978	106,4	93,65
2	Doanh thu	Tr.đồng	196.820	195.000	271.698	139,3	138,04
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	13.906	15.000	72.298	482	519,9
4	Tỷ lệ cổ tức	%	15%	15%	Dự kiến 50%	333,33	333,33

Năm 2014 với nhiều thuận lợi như giá bán sản phẩm heo giống, heo thịt đứng ở mức cao nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh rất khả quan. Công ty đã hoàn thành và vượt xa các kế hoạch đã đề ra: sản lượng heo giống và heo thịt lần lượt vượt 21,8% và 6,4% so với kế hoạch và duy trì ở mức 950 tấn, 2.800 tấn; doanh thu đạt 271.698 triệu đồng, vượt 39,3% so với kế hoạch và tăng 38,04% so với thực hiện 2013. Đây là mức tăng trưởng thật sự nổi bật trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt và còn nhiều khó khăn như hiện nay. Bên cạnh đó, lợi nhuận trước thuế tăng 419% so với 2013 và vượt đến 382%, đạt mức 72.298 triệu đồng là một kết quả thật sự ấn tượng, bù đắp xứng đáng những nỗ lực của tập thể CBNV trong toàn Công ty. Với kết quả kinh doanh khả quan như trên, Công ty dự định sẽ xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 chi trả cổ tức ở mức 50% so với mức kế hoạch 15% trước đây.



## VỀ CƠ CẤU DOANH THU, LỢI NHUẬN GỘP THEO NHÓM SẢN PHẨM

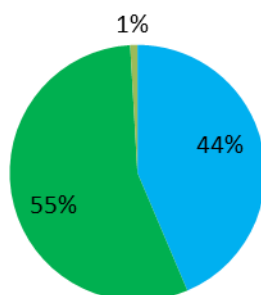
Trong tổng doanh thu bán hàng năm 2014, sản phẩm Heo thịt chiếm tỷ trọng cao nhất là 55,48%, kế đến là sản phẩm Heo giống, chiếm tỷ trọng 43,61% trong tổng doanh thu. Ngoài ra, trong năm 2014, Công ty bắt đầu đưa sản phẩm cá sấu vào thị trường và chiếm 0,91% trong tổng cơ cấu. Tương tự như mọi năm, mặc dù Heo thịt mang lại doanh thu chủ yếu trong tổng doanh thu nhưng chỉ đóng góp 43,77% lợi nhuận gộp, trong khi sản phẩm Heo giống lại chiếm đến 55,35% tổng lợi nhuận gộp của toàn Công ty, tương đương 36.194 triệu đồng.



Đơn vị tính: triệu đồng

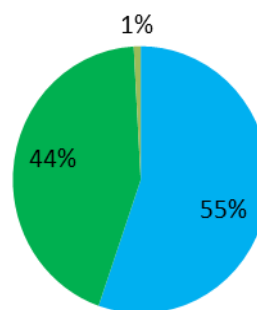
### Cơ cấu Doanh thu thuần

■ Heo giống ■ Heo thịt ■ Cá sấu



### Cơ cấu lợi nhuận gộp

■ Heo giống ■ Heo thịt ■ Cá sấu



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### ❖ Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Hà Văn Sơn	Giám đốc	Kiểm Phó Chủ tịch HĐQT
2	Trần Văn Cần	Phó Giám đốc	Kiểm TV.HĐQT
3	Đình Trung Liêm	Q.Kế toán trưởng	

#### **Giám đốc: Ông Hà Văn Sơn**

**Năm sinh:** 1962

**Nơi sinh:** Nghệ An

**Tỷ lệ nắm giữ:** 1,88%

**Trình độ chuyên môn:** Đại học Nông lâm TP.HCM ngành Kinh tế nông nghiệp

#### **Quá trình công tác:**

- 1986 - 1996: Phó Phòng Kế toán, phụ trách kế hoạch XN chăn nuôi heo Phú Sơn
- 1997 - 2000: Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh XN chăn nuôi heo Phú Sơn
- 2000 - 2003: Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh kiêm Trưởng trại Phú Sơn  
Xí nghiệp chăn nuôi heo Phú Sơn
- 2003 - 08/2008: Phó Giám Đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn
- 09/2008 - 2013: Phó Giám Đốc Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn
- 09/2013- nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn

**Phó Giám đốc: Ông Trần Văn Cẩn**

**Năm sinh:** 1956

**Nơi sinh:** Hải Dương

**Tỷ lệ nắm giữ:** 0,33%

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư chăn nuôi

**Quá trình công tác:**

- 1984 - 1997: Kỹ thuật Xí nghiệp chăn nuôi heo Đông Phương
- 12/1997 - 1999: Kỹ thuật Xí nghiệp chăn nuôi heo Phú Sơn
- 12/1999 - 09/2009: Trưởng trại Đông Phương, Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn.
- 09/2009 – nay: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám Đốc

**Kế toán trưởng: Ông Đinh Trung Liêm**

**Năm sinh:** 1955

**Nơi sinh:** Đồng Nai

**Tỷ lệ nắm giữ:** 0,17%

**Trình độ chuyên môn:** Kế toán

**Quá trình công tác:**

- 1977 - 1986: Kế toán Nông trường QD Sông Ray – Đồng Nai
- 1987 - 1997: Kế toán Lâm trường Mã Đà
- 1998 - nay: Kế toán Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn

***Những thay đổi trong ban điều hành***

Trong năm 2014, công ty không có sự thay đổi trong Ban điều hành.

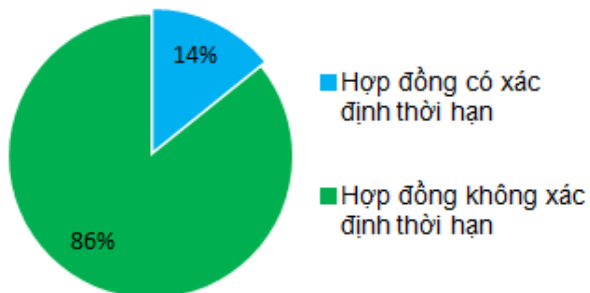




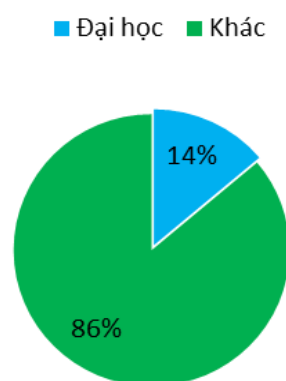
❖ Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>162</b>	<b>100%</b>
1	Đại học	22	13,58%
3	Khác	140	84,41%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>162</b>	<b>100%</b>
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	23	14,20%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	139	85,80%

**Tính chất hợp đồng**



**Trình độ học vấn**



Trong điều kiện thuận lợi cũng như khó khăn, Công ty luôn nỗ lực duy trì mức thu nhập ổn định đảm bảo cuộc sống cho người lao động, tạo động lực cho mọi thành viên trong tổ chức cống hiến và yên tâm gắn bó lâu dài với Công ty. Ngoài ra, Công ty còn chú trọng xây dựng cơ chế lương thưởng hợp lý, khuyến khích và đãi ngộ tốt đối với người lao động có trình độ, tâm huyết. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách và không ngừng nâng cao đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động. Tạo môi trường tốt nhất để cán bộ nhân viên trong Công ty phát huy hết khả năng, tận tâm phục vụ vì mục tiêu phát triển chung của tập thể.

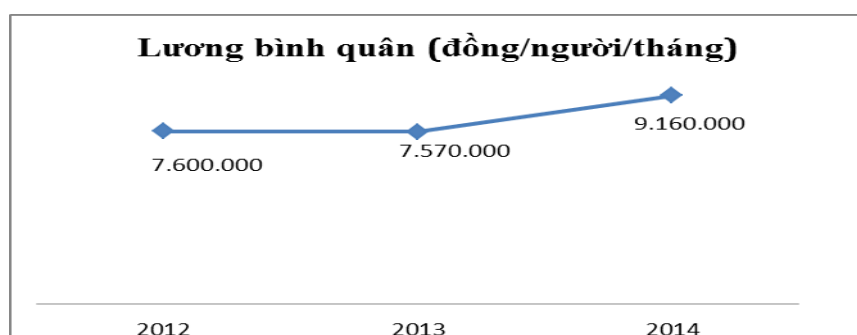
### ❖ Chính sách lương, thưởng

Công ty đã xây dựng quy chế lương, thưởng quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhận. Mức lương của người lao động trực tiếp được hưởng tùy thuộc vào loại công việc, định mức lao động, chỉ tiêu kỹ thuật đảm nhận và kết quả công việc người lao động thực hiện. Mức lương của người lao động gián tiếp được hưởng theo hệ số do Hội đồng tư vấn đề xuất và Giám đốc Công ty quyết định căn cứ trên tính chất công việc, năng lực và kết quả làm việc của người lao động.

Công ty đảm bảo trả lương cho người lao động không thấp hơn quy định của nhà nước. Đồng thời, Công ty thực hiện những chế độ bảo đảm các chính sách xã hội cho người lao động theo Luật lao động và thỏa ước lao động tập thể.

Mức lương bình quân trong ba năm vừa qua (đơn vị: đồng/ tháng/ người)

Năm	Đơn vị	Lương bình quân
2012	đồng/người/tháng	7.600.000
2013	đồng/người/tháng	7.570.000
2014	đồng/người/tháng	9.160.000



### CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI CHO CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

Công ty thực hiện các chế độ trợ cấp khó khăn, chế độ thăm hỏi khi người lao động ốm đau, các chế độ khác như hiếu hỉ, cưới hỏi, v.v...

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

**Dự án xây dựng trại heo mới tại Khu Công Nông nghiệp Agropark** quy mô 4.800 nái, tổng kinh phí đầu tư 191 tỷ đồng, giai đoạn I quy mô 1.200 nái ước tính kinh phí khoảng 30 – 35 tỷ đồng, đến nay dự án đã thực hiện các bước cụ thể như sau:

- Ký hợp đồng thuê đất;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt;
- Đã lập xong báo cáo nghiên cứu khả thi;
- Đã lập xong thiết kế tổng dự toán.

Còn lại:

- Đang thẩm định thiết kế tổng dự toán;
- Đang thẩm định thiết kế tổng dự toán phòng cháy chữa cháy;
- Xin giấy phép xây dựng;
- Kế hoạch đấu thầu;
- Chọn nhà thầu;
- Thi công.

**Chuyển nhượng 8 ha đất của Công ty tại ấp Cọ Dầu, xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ:**

- Diện tích đất mua 81.025m<sup>2</sup>, giá trị 1.821 triệu đồng.
- Đã thẩm định giá năm 2013: giá trị 1.399 triệu đồng và đăng báo 04 lần bán song vẫn chưa bán được, HĐQT đề nghị tiếp tục bán trong năm 2015.

### ***Khu đất tại xã Xuân Phú và Xuân Thọ:***

- Tổng diện tích mua của Công ty TNHH du lịch sinh thái Vườn Xoài:  
318.221,1m<sup>2</sup> = 5.625 triệu đồng

+ Đã làm sổ đỏ : 265.346,6m<sup>2</sup>.

+ Tiếp tục làm sổ đỏ : 52.864,5 m<sup>2</sup>.

Khu đất này Công ty chuẩn bị cho sự phát triển trong tương lai.

### ***Dự án xử lý nước thải giai đoạn II:***

Theo Thông báo số 4079/STNMT-CCBVMT của Sở Tài nguyên môi trường Đồng Nai ngày 05/4/2014 thì còn 2 chỉ tiêu không đạt chuẩn B, cụ thể: Tổng số Anomi vượt 1,9 lần, tổng phốt pho vượt 2,9 lần. Công ty đã thông báo cho Công ty Hoài Nam Hoài Bắc biết để có biện pháp khắc phục song qua nhiều lần khắc phục vẫn không đạt cột B Quy chuẩn 24 nên Công ty đã đề nghị thanh lý hợp đồng. Hai bên đang rà soát các nội dung liên quan để tiến hành thanh lý hợp đồng theo quy định.



## **ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ KHU LIÊN  
HỢP CÔNG NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

**Tên Công ty viết tắt: AGROPARK**

**Tên giao dịch bằng tiếng Anh: DONG NAI AGRICULTURE  
AND INDUSTRY COMPLEX MANAGEMET AND  
INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY**

**Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng**

***Chi nhánh Công ty đặt tại***

- Xã Lộ 25 (Khu 1, 2);
- Xã Xuân Thành (phân khu 3A);
- Xã Xuân Tâm (phân khu 3B, 3C);
- Xã Xuân Bắc (phân khu 3D-Thọ Vực);

## Mục tiêu đầu tư

- Khu liên hợp Công nông nghiệp Dofico-Agropark: Hình thành lực lượng sản xuất hiện đại, tạo sự lan tỏa cho tỉnh Đồng Nai và Vùng phát triển kinh tế trọng điểm phía Nam, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp – nông thôn;
- Thực hiện hệ thống chuỗi liên kết, có hiệu quả từ nghiên cứu, đào tạo nhân lực, ứng dụng kỹ thuật công nghệ cao vào sản xuất giống cây trồng, vật nuôi;
- Cung cấp giống chất lượng cao cho hệ thống sản xuất tại phân khu có các trang trại trồng trọt, chăn nuôi tiên tiến;
- Cung cấp nguyên liệu sạch cho phân khu công nghiệp chế biến thực phẩm; sản phẩm được tập trung đóng gói tại phân khu trung tâm dịch vụ thương mại Logistics và sản phẩm cuối cùng bảo đảm sạch, an toàn, chất lượng cao, có nguồn gốc rõ ràng, sẽ đến người tiêu dùng qua các kênh phân phối có uy tín.

## Vị trí, diện tích dự án

Khu liên hợp Công nông nghiệp Agropark được xây dựng trên địa bàn 4 xã thuộc huyện Thống Nhất và huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, dự án gồm 6 phân khu chức năng có diện tích 2.211,79 ha; cụ thể:

- Phân khu 1 - Khu dịch vụ thương mại Logistics; vị trí tại xã Lộ 25, huyện Thống Nhất; có diện tích khoảng 250 ha.
- Phân khu 2 - Khu dân cư phục vụ tái định cư; vị trí tại xã Lộ 25, huyện Thống Nhất, có diện tích khoảng 25 ha.
- Phân khu 3A - Khu chăn nuôi tập trung; vị trí tại xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, có diện tích khoảng 188,54 ha.
- Phân khu 3B - Khu trồng trọt, chăn nuôi tập trung; vị trí tại xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, có diện tích khoảng 538,8 ha.
- Phân khu 3C - Khu trồng trọt và chế biến thực phẩm, vị trí tại xã Xuân Tâm, Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc, có diện tích khoảng 687,45 ha.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### ❖ Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014	% tăng/giảm so với 2013
Tổng tài sản	Triệu đồng	160.605	212.097	32,06%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	189.704	263.262	38,78%
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	14.530	73.238	404,05%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	(624)	(940)	-
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	13.906	72.298	419,91%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10.414	56.317	440,78%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	2.314	12.515	440,84%
Ti lệ cổ tức	%	15%	Dự kiến 50%	233,33%

### ❖ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	4,05	5,31
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,25	3,90
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	14,78	14,24
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	17,34	16,60
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,04	4,81
Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	Lần	1,12	1,41
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,49	21,39
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ (ROE)	%	7,77	35,33
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ (ROA)	%	6,17	30,22
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	7,66	27,82

## Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán hiện hành và nhanh qua các năm luôn có xu hướng tăng. Tỷ lệ thanh toán hiện hành qua các năm 2013, 2014 lần lượt là 4,05 lần, 5,31 lần và tỷ lệ thanh toán nhanh các năm tương ứng lần lượt là 2,25 lần, 3,90 lần. Tất cả tỷ lệ thanh toán này đều lớn hơn 1 cho thấy khả năng thanh toán của Công ty luôn được duy trì và đảm bảo an toàn.

## Cơ cấu vốn

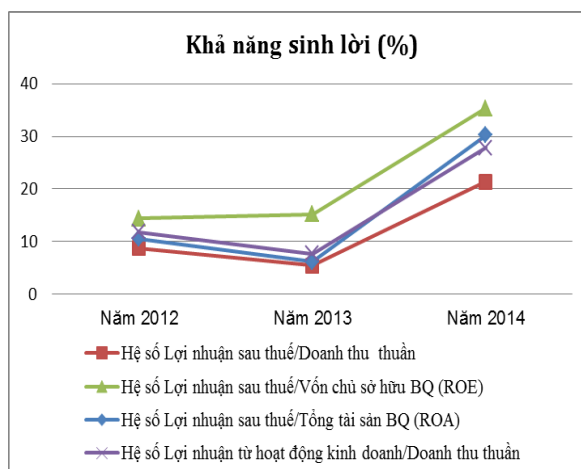
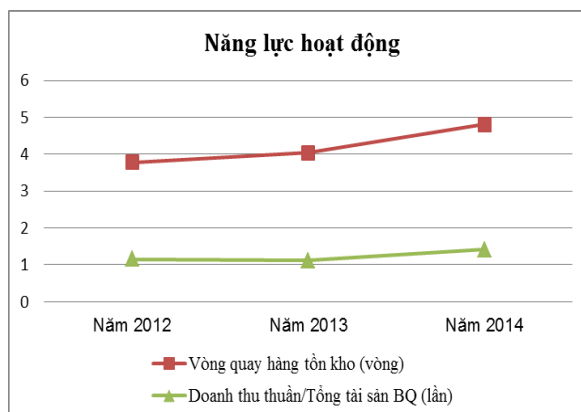
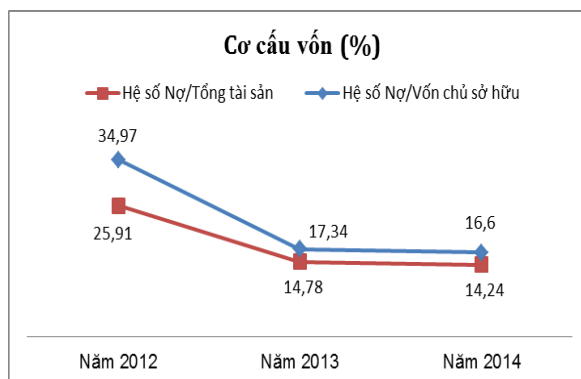
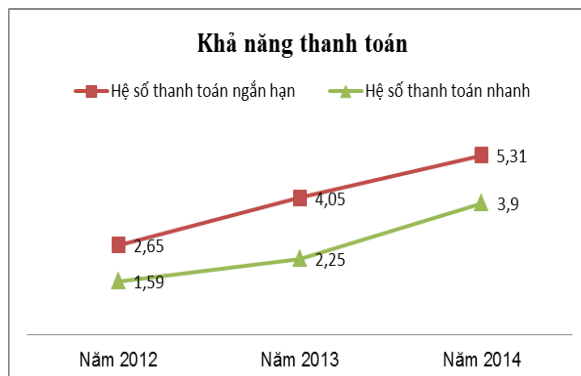
Cơ cấu nợ/tổng tài sản và nợ/vốn chủ sở hữu có xu hướng giảm qua các năm. Tỷ lệ tương ứng đang duy trì ở mức 14,24% và 16,60%. Hệ số này thể hiện Công ty luôn tự chủ nguồn vốn trong hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, việc giảm tỉ lệ nợ cũng giúp công ty hạn chế rủi ro về lãi suất và giảm các chi phí tài chính.

## Năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho năm 2014 duy trì ở mức 4,81 vòng, tăng nhẹ so với mức 4,04 năm 2013 do công ty luôn cân đối hợp lý giữa sản lượng tiêu thụ, sản xuất và nâng cao khả năng hoạt động. Bên cạnh đó, vòng quay tài sản cũng tăng nhẹ so với năm 2013, đạt mức 1,41 vòng so với mức 1,12 vòng năm 2013.

## Khả năng sinh lời

Nếu trong năm 2013, các hệ số sinh lời hầu hết đều giảm mạnh so với 2012 thì trong năm 2014, chúng kiến một sự tăng trưởng vượt bậc về lợi nhuận và khả năng sinh lời. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần đạt mức 21,39%, tăng gần gấp 4 lần so với cùng kỳ. Ngoài ra, ROE, ROA lần lượt ở mức 35,33%; 30,22% so với mức 7,77%; 6,17% so với năm 2013. Nguyên nhân là do trong năm 2014, hoạt động kinh doanh gặp nhiều thuận lợi khi giá bán sản phẩm heo giống, heo thịt ở mức cao giúp lợi nhuận tăng gần gấp 5 lần so với thực hiện 2013 và kế hoạch 2014.



**THÔNG**

**TIN**

**CỔ**

**ĐÔNG**

### Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 4.500.000 cổ phần

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

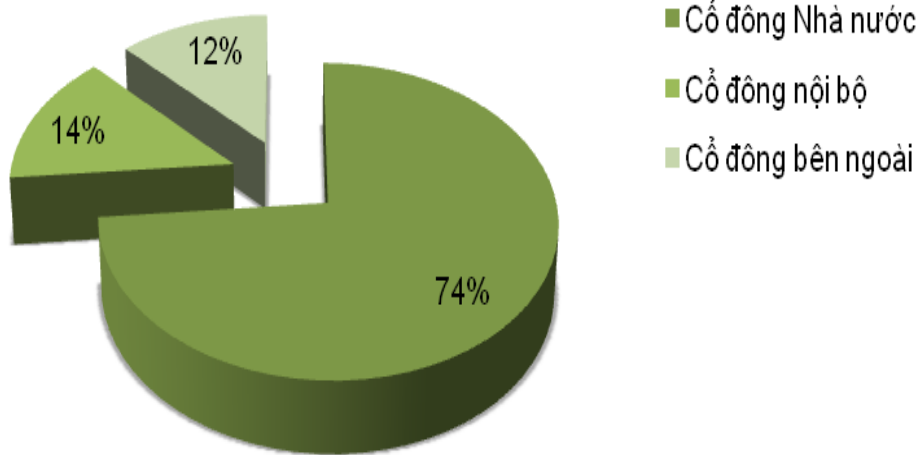
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 4.500.000 CP

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 CP

### Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu CP (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông Nhà nước</b>	3.310.088	73,558
<b>II</b>	<b>Cổ đông nội bộ</b>	635.027	14,112
<b>III</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	4.499.900	99,998
1	Cá nhân	1.138.115	25,291
2	Tổ chức	3.361.785	74,706
<b>IV</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	100	0,002
1	Cá nhân	100	0,002
2	Tổ chức	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4.500.000</b>	<b>100%</b>

## Cơ cấu cổ đông



**Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có.**

**Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có.**

**Các chứng khoán khác: không có.**

**THÔNG**

**TIN**

**CỔ**

**ĐÔNG**

# 2014

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC



1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015

## Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

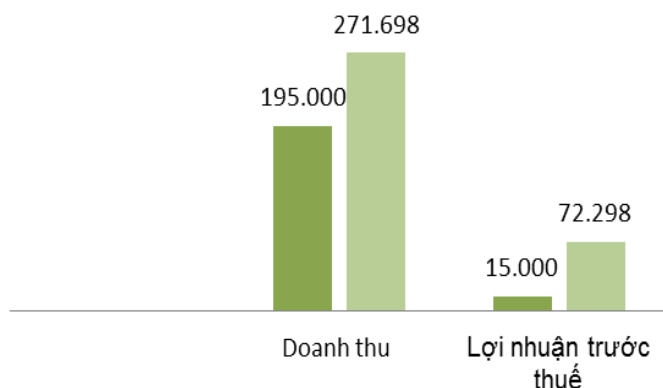
Kết thúc năm tài chính 2014, kết quả kinh doanh của Công ty đạt được thật sự ấn tượng, đánh dấu một sự tăng trưởng vượt bậc khi doanh thu vượt 39,3%, lợi nhuận trước thuế đạt 72.298 triệu đồng, đạt gấp 5 lần so với kế hoạch. Tỷ lệ cổ tức dự định sẽ tăng từ 15% (tỷ lệ theo kế hoạch tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014) nâng lên mức 50%. Đây là mức cổ tức rất cao trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn và nhiều doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả. Theo đó, đây là một thành quả rất đáng trân trọng với sự nỗ lực của Ban điều hành cùng tập thể CBCNV.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	TH2014/ KH 2014
1	Sản lượng hàng hóa thực hiện				
a	Heo giống	Tấn	950	1.157	121,8%
b	Heo thịt	Tấn	2.800	2.978	106,4%
2	Doanh thu	Tr.đồng	195.000	271.698	139,3%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	15.000	72.298	482%
4	Nộp ngân sách	Tr.đồng	3.355	16.645	496,1%
5	Tỷ suất lợi nhuận/vốn	%	11,22	52,23	466,5%
6	Thu nhập BQ/người/tháng	Tr.đồng	7,5	9,1	121,3%



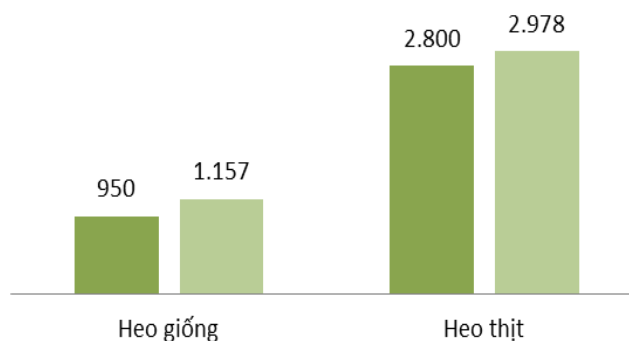
## Tình hình doanh thu và lợi nhuận

■ Kế hoạch 2014 ■ Thực hiện 2014



## Sản lượng hàng hóa thực hiện

■ Kế hoạch 2014 ■ Thực hiện 2014



### ❖ *Khó khăn:*

- Hai cơ sở chính của Công ty là Trại heo Phú Sơn và Trại heo Long Thành đã xây dựng gần 40 năm nên đã xuống cấp trầm trọng, do thời gian lưu trữ lâu năm nên nguồn bệnh tích nhiều. Ngoài ra, hầu hết chuồng trại của Công ty là chuồng hở nên không bảo đảm an toàn sinh học cho đàn heo. Theo đó, việc thực hiện các biện pháp đề nâng cao năng suất chăn nuôi hết sức khó khăn;
- Biến đổi khí hậu làm cho thời tiết thay đổi theo hướng bất lợi cho đàn heo. Đặc biệt vào mùa khô nắng nóng, nguồn nước không đủ cho heo uống và làm vệ sinh chuồng trại đã ảnh hưởng lớn đến sức khỏe đàn heo và năng suất chăn nuôi;
- Ngành chăn nuôi nói chung và chăn nuôi heo nói riêng có sự cạnh tranh gay gắt của các tập đoàn chăn nuôi có vốn đầu tư nước ngoài, các trang trại chăn nuôi, các hộ chăn nuôi gia đình nhiều nên giá bán sản phẩm thất thường, công tác dự báo hết sức khó khăn.

### ❖ *Thuận lợi:*

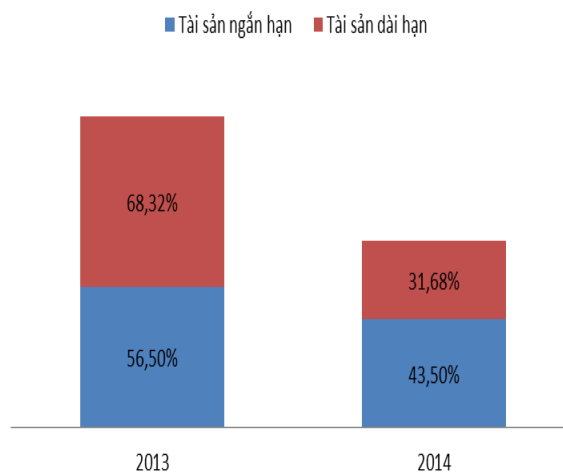
- Giá bán sản phẩm tăng và đứng ở mức tương đối cao nên tiêu thụ sản phẩm heo giống, heo thịt, heo hậu bị đực cái, v.v... tương đối thuận lợi, doanh thu bán hàng cao;
- Giá nguyên liệu chính là thức ăn chăn nuôi tương đối ổn định và giảm nhẹ so với năm 2013;
- Thương hiệu: trong những năm qua Công ty đã kiên trì xây dựng thương hiệu cho sản phẩm heo giống, heo hậu bị và heo thịt nên sản phẩm của Công ty được bà con chăn nuôi và người tiêu dùng tín nhiệm. Theo đó việc tiêu thụ sản phẩm tương đối thuận lợi và giá bán thường cao hơn các đơn vị bạn;
- Cơ sở vật chất kỹ thuật chủ yếu là chuồng trại đã khấu hao gần hết, phần còn lại chủ yếu là khấu hao Trại Phước Tân, đàn heo nhập ngoại, hệ thống chế biến và hệ thống xử lý nước thải nên chi phí khấu hao tài sản ở mức vừa phải không cao, đã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- Nguồn vốn của Công ty dồi dào do chưa xây dựng cơ sở mới nên Công ty có thu nhập từ tiền gửi ngân hàng góp phần mang lại thu nhập tài chính.

## Tình hình tài chính

### a. Tình hình tài sản

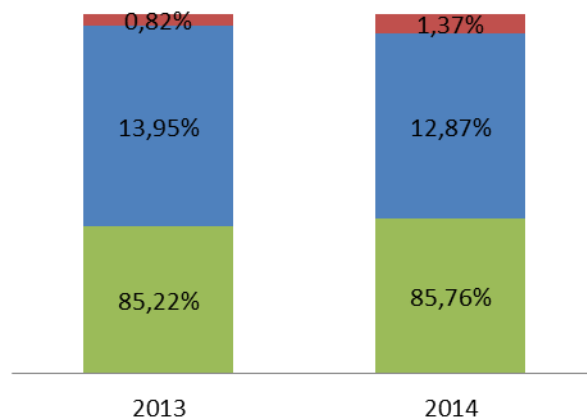
Tổng tài sản Công ty tính đến ngày 31/12/2014 đạt 212.097 triệu đồng, tăng 51.492 triệu đồng, tương ứng tăng 32,06% so với năm 2013. Nguyên nhân chủ yếu là do tài sản ngắn hạn tăng đến 59,69% và tài sản dài hạn giảm nhẹ 3,83%. Tài sản ngắn hạn tăng mạnh là do các khoản tương đương tiền tăng 42.833 triệu đồng, tương ứng tăng 336%, đây chính là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại các Ngân hàng TMCP. Nguồn vốn này Công ty dự định xây dựng cơ sở mới nhưng tạm thời chưa sử dụng nên đã tiến hành gửi ngân hàng góp phần tăng lợi nhuận.

### Cơ cấu tài sản



### Cơ cấu vốn

■ Vốn chủ sở hữu ■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn



### b. Tình hình nợ phải trả

Năm 2014, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu nguồn vốn an toàn, khi nguồn vốn chủ yếu là vốn chủ sở hữu, chiếm tỷ lệ 85,76% trong tổng nguồn. Theo đó, hoạt động của Công ty khá an toàn khi không chịu áp lực từ chi phí lãi vay có nhiều biến động như hiện nay.

## Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

### ❖ Về triển khai và điều hành kế hoạch sản xuất:

Ngay từ đầu năm, Ban Giám đốc đã nhận định, dự đoán tình hình tiêu thụ trên thị trường nên Công ty đã chủ động tăng cường bán heo giống nuôi thịt và heo hậu bị giống từ đó tăng doanh thu bán hàng, góp phần tăng lợi nhuận.

### ❖ Các giải pháp kỹ thuật

#### Về con giống:

- Trên cơ sở đàn heo ông bà hiện có, Công ty đã lai tạo với đàn heo Đan Mạch nhập ngoại từ năm 2012 và 2013 để tạo ra đàn heo bố mẹ có năng suất chất lượng tốt được bà con chăn nuôi ưa chuộng. Ngoài ra, Công ty nhập tinh heo từ Mỹ vừa làm tươi máu đàn giống vừa giảm chi phí nhập heo.

#### Về thức ăn:

- Tăng hàm lượng chất béo trên khẩu phần heo nái mang thai nhằm nâng cao chất lượng thức ăn để tăng sức đề kháng và giảm tỷ lệ tử, loại heo sơ sinh;
- Thường xuyên bám sát giá cả thị trường để xây dựng khẩu phần thức ăn thích hợp cho toàn bộ đàn heo nhằm tiết kiệm chi phí song vẫn giữ được năng suất chăn nuôi;
- Thường xuyên thực hiện các thí nghiệm để so sánh hiệu quả sử dụng cám do Công ty sản xuất với cám do các công ty lớn có vốn đầu tư nước ngoài như Proconco, CP, v.v... nhằm đưa ra công thức thích hợp, giá cả hợp lý.

#### Về thú y: Thực hiện các biện pháp để đảm bảo an toàn dịch bệnh cho đàn heo như:

- Thực hiện chương trình giám sát huyết thanh học đối với những bệnh quan trọng như: dịch tả, FMD, v.v... để đưa ra quy trình tiêm phòng phù hợp nhất. Kết hợp chặt chẽ với việc thường xuyên kiểm tra việc thực hiện tiêm phòng cho đàn heo nhằm bảo đảm an toàn dịch bệnh cho đàn heo;
- Sử dụng vaccine PRRS (tai xanh) trên đàn nái sinh sản đã giảm được tỷ lệ sảy thai;
- Sử dụng hóa dược Roxason phòng bệnh ký sinh trùng đường máu trên đàn nái sinh sản.

### ❖ Về mặt quản lý:

Trong điều kiện chuồng trại hiện có và dự báo tình hình tiêu thụ của thị trường, Công ty đã tăng sản lượng heo giống nuôi thịt và heo hậu bị, cụ thể:

- Năm 2014, tiêu thụ được 40.252 con heo giống (995.809 kg), tăng 7.861 con so với năm 2013 và đạt sản lượng tiêu thụ cao nhất từ trước tới nay;
- Heo hậu bị tiêu thụ được 2.183 con (221.164 kg), tăng 1.376 con so với năm 2013 và đạt được sản lượng cao nhất từ trước đến nay;
- Thực hiện tốt công tác khoán sản phẩm và trả lương theo sản phẩm gắn với việc thưởng phạt kịp thời;
- Phát động phong trào thực hành tiết kiệm rộng khắp trong toàn thể CBCNV lao động.



❖ *Về bảo vệ môi trường:*

- Xử lý nước thải: Công ty đã đồng loạt các biện pháp như sử dụng hầm bioga để xử lý nước thải nhằm thu hồi khí biogas sử dụng chạy máy phát điện, nước thải từ chăn nuôi sau khi đi qua hệ thống sẽ chảy qua 7 hồ sinh học và được xử lý bằng hóa chất trước khi thải ra môi trường. Ngoài ra Công ty còn trồng cây xanh bóng mát để tạo được môi trường sinh thái tốt. Tuy nhiên do đặc thù của ngành chăn nuôi chưa thể khắc phục được một cách triệt để;
- Đề án Bảo vệ môi trường: Công ty đã lập Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với hoạt động chăn nuôi heo và chế biến thức ăn gia súc cung cấp cho đàn heo của Công ty và đã có quyết định phê duyệt của UBND tỉnh Đồng Nai;
- Giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi: Công ty đã trộn chế phẩm Nutrafito Plus vào thức ăn của heo để giảm mùi của phân heo thải ra.
- Quản lý chất thải nguy hại (CTNH): Công ty đã xây một khu riêng biệt để chứa CTNH, đã lưu giữ đúng vị trí có biển báo và mã CTNH cho từng loại, các chất thải được đóng vào bao và được để riêng cho từng khu vực. Công ty đã ký hợp đồng xử lý chất thải nguy hại và chất thải rắn sinh hoạt với các công ty có chức năng xử lý đồng thời lập báo cáo định kỳ về tình hình phát sinh và quản lý CTNH.

❖ *Về các mặt khác:*

- Công tác an ninh trật tự trong đơn vị được thực hiện tương đối tốt;
- Công tác ATLĐ và PCCN được thực hiện nghiêm chỉnh;
- Công tác xã hội địa phương được Công ty luôn chú trọng, trong năm Công ty đã thực hiện công tác xã hội với tổng số tiền 64 triệu đồng.

*Sản phẩm chất lượng cao*



*An toàn và thân thiện*

## Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015

### ❖ Kế hoạch năm 2015

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
<b>Sản lượng hàng hóa tiêu thụ</b>		
+ Heo giống:	Con	-
Trọng lượng	Tấn	1.000
+ Heo thịt các loại:	Con	-
Trọng lượng	Tấn	2.800
<b>Doanh thu bán hàng</b>	Tr.đồng	203.000
<b>Lợi nhuận</b>	Tr.đồng	18.000
<b>Nộp ngân sách</b>	Tr.đồng	4.506
<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>	%	12,03
<b>Tiền lương BQ người LĐ/tháng</b>	Tr.đồng	8,1

### ❖ Giải pháp thực hiện

#### Về điều hành và triển khai kế hoạch sản xuất

- Quy mô đàn: Giữ vững quy mô đàn heo trong khi chưa xây dựng được cơ sở mới;
- Về tiêu thụ sản phẩm: Hiện tại các sản phẩm tiêu thụ heo giống, heo hậu bị và heo thịt đều có lãi, trong đó heo giống nuôi thịt và heo giống hậu bị có lãi cao, nhằm đảm bảo lợi nhuận đạt và vượt mức kế hoạch đề ra, Công ty sẽ tăng cường bán nhiều heo giống nuôi thịt, heo hậu bị đực cái, chỉ giữ lại nuôi thịt và tăng đàn nái khi tiêu thụ sản phẩm không được hoặc bán thấp dưới giá thành. Riêng 6 tháng cuối năm tùy theo diễn biến của thị trường sẽ điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất một cách linh hoạt.

#### Giải pháp về kỹ thuật

- Công tác giống:
  - ▶ Tiếp tục nhập ngoại tinh heo giống từ Hoa Kỳ để cải thiện chất lượng đàn heo một cách hiệu quả với chi phí thấp nhất;
  - ▶ Tiếp tục nhân đàn heo giống Đan Mạch, tăng quy mô đàn heo giống ông bà để tạo ra nhiều heo hậu bị nhằm chuẩn bị đàn heo hậu bị khi xây dựng xong trại heo mới tại Xuân Lộc.

- Công tác thú y:
  - ▶ Thực hiện các biện pháp để bảo đảm an toàn dịch bệnh cho đàn heo như thực hiện chương trình giám sát huyết học đối với những bệnh quan trọng như dịch tả, FMD, tai xanh, v... tăng cường kiểm tra giám sát chặt chẽ việc thực hiện quy trình phòng ngừa dịch bệnh;
  - ▶ Tiếp tục thí nghiệm khảo sát và sử dụng các loại vaccine cùng chủng loại song chi phí thấp để nâng cao hiệu quả sử dụng vaccine;
  - ▶ Thực hiện các giải pháp để nâng cao tỷ lệ nuôi sống trên giai đoạn heo con sau cai sữa.
- Công tác thức ăn:
  - ▶ Tiếp tục sử dụng thức ăn của Công ty Proconcon trên đàn heo giống gốc và thí nghiệm sử dụng cám trên đàn heo thịt để đánh giá hiệu quả sử dụng cám do Công ty sản xuất so với cám mua tại Công ty Proconco.
  - ▶ Thường xuyên khảo sát tình hình biến động giá nguyên liệu đầu vào để xây dựng khẩu phần thức ăn vừa tiết kiệm giá thành vừa phù hợp với nhu cầu đàn heo của Công ty.

### **Các giải pháp về quản lý**

- Phát động phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng lãng phí trong toàn thể CBCNV lao động;
- Tăng cường công tác thăm dò nghiên cứu thị trường để tiêu thụ hết sản phẩm nhất là sản phẩm heo hậu bị đực, cái đồng thời đề ra giá bán sản phẩm cũng như giá mua nguyên liệu một cách hợp lý, sát với thị trường;
- Thực hiện tốt công tác khoán sản phẩm và trả lương theo sản phẩm nhằm kích thích người lao động hăng hái thi đua lao động sản xuất, tăng năng suất chăn nuôi, chất lượng sản phẩm và nâng cao thu nhập cho người lao động.

### **Các giải pháp về đầu tư**

- Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở chăn nuôi tại khu công nông nghiệp Agropark với quy mô giai đoạn I: 1.200 nái để phục vụ cho việc di dời từng bước Trại heo Phú Sơn theo phương án di dời đã được UBND tỉnh gia hạn đến năm 2018.

**Giải trình Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán : không có**



# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Board of Directors



## Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

Kết quả hoạt động SXKD	2013	2014	Tăng/Giảm	% Tăng/giảm
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp DV</b>	189.704	263.262	73.558	38,78%
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV</b>	189.704	263.262	73.558	38,78%
<b>Giá vốn hàng bán</b>	175.842	189.363	13.521	7,69%
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV</b>	13.862	73.899	60.037	433,10%
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	14.530	73.238	58.708	404,05%
<b>Lợi nhuận khác</b>	(624)	(940)	-	-
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	13.906	72.298	58.392	419,91%
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	10.414	56.317	45.903	440,78%
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)</b>	2.314	12.515	10.201	440,84%

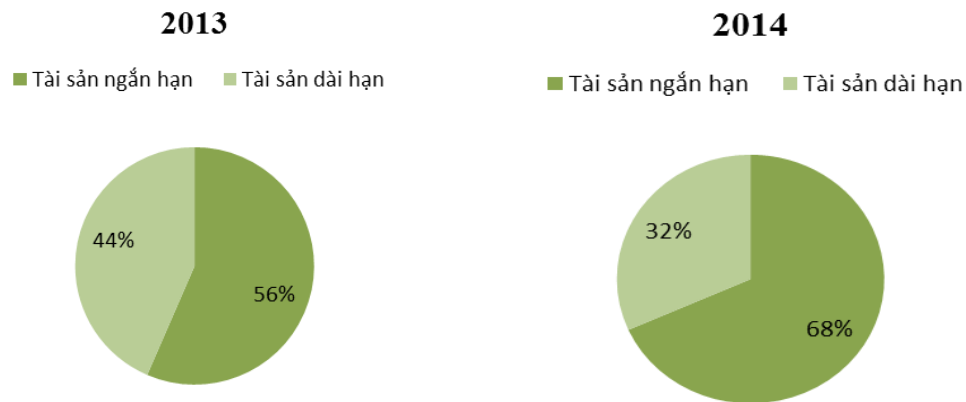
Đơn vị tính: triệu đồng

TÀI SẢN	2013	2014	Tăng/Giảm	% Tăng/giảm
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>90.738</b>	<b>144.904</b>	<b>54.165</b>	<b>59,69%</b>
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>69.867</b>	<b>67.194</b>	<b>(2.673)</b>	<b>(3,83%)</b>
<b>Tổng tài sản</b>	<b>160.605</b>	<b>212.097</b>	<b>51.492</b>	<b>32,06%</b>

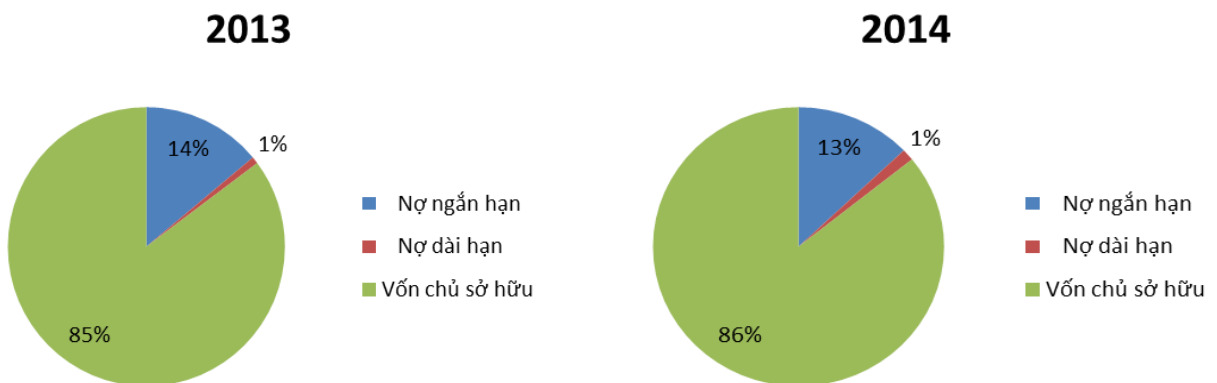
Đơn vị tính: triệu đồng

NGUỒN VỐN	2013	2014	Tăng/Giảm	% Tăng/giảm
<b>Nợ phải trả</b>	<b>23.730</b>	<b>30.197</b>	<b>6.468</b>	<b>27,26%</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>22.410</b>	<b>27.299</b>	<b>4.890</b>	<b>21,82%</b>
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>1.320</b>	<b>2.898</b>	<b>1.578</b>	<b>119,55%</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>136.876</b>	<b>181.900</b>	<b>45.024</b>	<b>32,89%</b>
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>160.605</b>	<b>212.097</b>	<b>51.492</b>	<b>32,06%</b>

### Cơ cấu tài sản



### Cơ cấu Vốn



# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

## Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2014, trong năm qua, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã thực hiện đúng theo kế hoạch đề ra và linh hoạt theo biến động chung của thị trường. Theo đó, kết quả kinh doanh năm 2014 là kết quả tốt nhất và ấn tượng nhất trong suốt quá trình hoạt động của CTCP Chăn Nuôi Phú Sơn. Đây thật sự là một tập thể đoàn kết, nỗ lực, hăng hái lao động sản xuất nhằm hoàn thành cao nhất kế hoạch đã đề ra.

## Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Xây dựng Trại nuôi heo mới tại Khu liên hợp công nông nghiệp Agropark quy mô định hình 4.800 nái, tổng kinh phí đầu tư 191 tỷ đồng chia thành nhiều giai đoạn:
  - Giai đoạn I với quy mô 1.200 nái, ước tính kinh phí khoảng 30 – 35 tỷ đồng được thực hiện trong năm 2015: quý II/2015 sẽ hoàn tất hồ sơ thủ tục, sau đó sẽ tiến hành xây dựng chuồng trại;
  - Các giai đoạn kế tiếp sẽ được thực hiện từ cuối năm 2015 trở đi, cho đến khi đạt được quy mô định hình là 4.800 nái.
- Tiếp tục bán khu đất 8 ha tại ấp Cọ Dầu, xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ để thu hồi vốn, phục vụ cho công tác xây trại mới.
- Tiếp tục cải tạo hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tại Trại heo Phú Sơn để đạt cột B theo Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT và lập thủ tục xin cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định.







*QUẢN TRỊ  
CÔNG TY*

## THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

NGUYỄN TỬ MỤC

Các thành viên

HÀ VĂN SƠN  
LÊ PHƯỚC HÙNG  
TRẦN VĂN CÂN  
NGUYỄN VĂN KHÂM

## THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

**Trưởng ban**  
ĐINH VĂN HỒNG

**Các thành viên**  
TRƯƠNG NGUYỄN NGỌC HÒA  
NGUYỄN MINH QUANG



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Danh sách thành viên

➤ **Chủ tịch HĐQT: Ông Nguyễn Tử Mục**

**Năm sinh:** 1964

**Nơi sinh:** Quảng Nam

**Tỷ lệ sở hữu:** 0%

**Trình độ:** Đại học kinh tế

**Quá trình công tác:**

- 01/1988 - 6/2005: làm việc tại Công ty Thuốc lá Đồng Nai – Chức vụ TP Kinh doanh
- 07/2005 – nay: làm việc tại Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai – chức vụ Giám đốc Kinh doanh

➤ **Thành viên HĐQT: Ông Lê Phước Hùng**

**Năm sinh:** 1970

**Nơi sinh:** Đồng Nai

**Tỷ lệ sở hữu:** 0%

**Trình độ:** Cử nhân kinh tế

**Quá trình công tác:**

- 1991 - 2005: Kế toán tại Công ty CBKD lương thực thực phẩm Đồng Nai
- 2006 - 2008: Kế toán – Phòng KTTC tại Tổng công ty
- 2008 - nay: Phó Phòng KTTC tại Tổng công ty
- 2010 - 2013: Kế toán trưởng tại Công ty CP Đầu tư và QL KLH Công nông nghiệp Đồng Nai
- 2013 - nay: Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng tại Công ty CP Đầu tư và QL KLH Công nông nghiệp Đồng Nai

➤ **Thành viên HĐQT: Ông Nguyễn Văn Khâm**

**Năm sinh:** 1962

**Nơi sinh:** Xã Phong Phú- Huyện Hương Khê- Hà Tĩnh

**Tỷ lệ sở hữu:** 2,62%

**Trình độ:** Kỹ sư

**Quá trình công tác:**

- 1985 - 1992: Đội trưởng Trung tâm nghiên cứu cây bông Nha Hồ
- 1993 - 1994: Trưởng phòng Hành chính Cục Thống kê Ninh Thuận
- 1994 - 1996: Cục Thống kê Đồng Nai
- 1996 - 08/2008: Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn
- 09/2008 - nay: Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty Cổ phần

**. Thành viên HĐQT không điều hành:**

- Nguyễn Tử Mục
- Nguyễn Văn Khâm

**Thay đổi nhân sự:**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Lê Phước Hùng	Thành viên HĐQT	25/04/2014	-

Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hiện tại Công ty chưa thành lập các tiêu ban

**Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Nguyễn Tử Mục	Chủ tịch	5/5	100%	
2	Hà Văn Sơn	Thành viên	5/5	100%	
3	Trần Văn Cẩn	Thành viên	5/5	100%	
4	Nguyễn Văn Khâm	Thành viên	5/5	100%	
5	Lê Phước Hùng	Thành viên	3/3	100%	Ông Lê Phước Hùng được bổ nhiệm TV.HĐQT từ ngày từ ngày 25/04/2014

❖ **Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám Đốc**

- HĐQT thường xuyên giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội hội cổ đông và HĐQT, giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc, bộ máy giúp việc cho Ban Giám đốc và người đại diện phần vốn Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn;
- HĐQT đã chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014;
- Ban hành kịp thời các quyết định, nghị quyết, văn bản phê duyệt các quy định, quy chế để chỉ đạo Ban Giám Đốc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh;
- Kiểm tra việc duy trì áp dụng điều lệ, quy chế, quy định nội bộ đã ban hành và xây dựng, sửa đổi, bổ sung kịp thời cho phù hợp với pháp luật;
- Chỉ đạo giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Giám Đốc và các phòng ban trong việc thực hiện các quy định của pháp luật và quyết định của HĐQT;
- Năm 2014, Ban Giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nên Công ty đã hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao;
- Hoàn tất việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2014

❖ **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.**

Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành thực hiện đúng chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

❖ **Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** không có

❖ **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:**  
Ông Nguyễn Tử Mục và Ông Hà Văn Sơn.



## Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2014

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	16b /NQ-HĐQT	08/3/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị ĐHCĐ thường niên năm 2014;</li> <li>- Dự kiến trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2013;</li> <li>- Triển khai tiếp tục các dự án.</li> </ul>
2	17 /NQ-HĐQT	05/4/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả sản xuất kinh doanh quý I/2014</li> <li>- Phương hướng SXKD quý II/2014</li> <li>- Nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.</li> </ul>
3	18 /NQ-HĐQT	25/4/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2013</li> <li>- Báo cáo kết quả SXKD năm 2013</li> <li>- Báo cáo năm 2013 của Ban Kiểm soát</li> <li>- Phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN và chi trả cổ tức năm 2013</li> <li>- Kế hoạch SXKD năm 2014</li> <li>- Các dự án đầu tư triển khai năm 2014 và chuyển nhượng quyền sử dụng đất</li> <li>- Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và chi trả cổ tức năm 2014</li> <li>- Mức thù lao hàng tháng cho HĐQT, Ban kiểm soát và thư ký Công ty trong năm 2014</li> <li>- Chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2014</li> <li>- Sửa đổi Điều lệ Công ty</li> <li>- Kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT</li> </ul>
4	19 /NQ-HĐQT	21/6/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác tổ chức: Bầu Phó Chủ tịch HĐQT, phân công trong HĐQT</li> <li>- Kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2014, phương hướng 6 tháng cuối năm 2014 và các giải pháp thực hiện</li> <li>- Triển khai các dự án: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chuyển nhượng 8,1ha đất tại ấp Cọ Dầu, xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ;</li> <li>+ Hệ thống xử lý nước thải tại Trại Phú Sơn</li> <li>+ Xây dựng Trại chăn nuôi heo mới tại Khu công nghiệp Agropark</li> </ul> </li> <li>- Các vấn đề khác: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bán xe tải và xe 16 chỗ ngồi, mua lại xe tải mới.</li> <li>+ Duyệt đơn giá tiền lương và quỹ lương kế hoạch Công ty năm 2014.</li> </ul> </li> </ul>
5	20/NQ-HĐQT	14/11/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng, ước thực hiện quý 4 và cả năm 2014.</li> <li>- Các giải pháp thực hiện để hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014.</li> <li>- Tạm ứng cổ tức năm 2014.</li> <li>- Thông qua các dự án: xây dựng trại mới, đất đai, xử lý nước thải ...</li> <li>- Chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2014.</li> </ul>

# BAN KIỂM SOÁT

## Danh sách thành viên

### ➤ Trưởng BKS: Ông ĐINH VĂN HỒNG

**Năm sinh:** 1961

**Nơi sinh:** Bà Rịa

**Tỷ lệ sở hữu:** 0%

**Trình độ:** Đại học Tài chính kế toán TP.HCM

#### Quá trình công tác:

- 1984 - 1988: Cán bộ Phòng Kế toán tài vụ Sở Thương nghiệp Đồng Nai
- 1989 - 12/1989: Kế toán trưởng Xí nghiệp Dịch vụ thương nghiệp Đồng Nai
- 1990 - 06/2006: Kế toán trưởng Công ty Thương mại Đồng Nai
- 07/2006 - 11/2006: Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty CP XNK Biên Hòa
- 12/2006 - 06/2007: Chuyên viên Phòng Kế toán tài vụ Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai
- 07/2007 - 08/2010: Kiểm soát viên Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai
- 07/2011 - 04/2012: Phụ trách Kiểm soát viên Tổng Cty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai

### ➤ Thành viên BKS: Ông NGUYỄN MINH QUANG

**Năm sinh:** 1963

**Nơi sinh:** Huế

**Tỷ lệ sở hữu:** 0,21%

**Trình độ:** Kỹ sư chăn nuôi

**Quá trình công tác:** 1987 - nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn

**Chức vụ hiện tại:** Thành viên Ban Kiểm Soát

### ➤ Thành viên BKS: Bà TRƯƠNG NGUYỄN NGỌC HÒA

**Năm sinh:** 1987

**Nơi sinh:** Đồng Nai

**Tỷ lệ sở hữu:** 0%

**Trình độ:** Cử nhân Kế toán

**Quá trình công tác:** Từ 2009 - nay: Công tác tại Tổng Cty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai

**Chức vụ hiện tại:** Thành viên Ban Kiểm Soát

Trong năm 2014, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn. Tiến hành công tác giám sát kiểm toán nội bộ, kiểm tra kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính quý, năm 2014 một cách thận trọng, chính xác, đảm bảo quyền lợi cổ đông.

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BGD VÀ BKS

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Hội đồng quản trị hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm, không hưởng lương chỉ hưởng thù lao.

ĐHĐCĐ thường niên 2014 đã biểu quyết mức thù lao sau đại hội như sau: Chủ tịch HĐQT: 4 triệu VNĐ/tháng, Phó Chủ tịch HĐQT: 3 triệu VNĐ/tháng, thành viên HĐQT: 2,4 triệu VNĐ/tháng, Trưởng Ban Kiểm soát: 2,4 triệu VNĐ/tháng; thành viên Ban Kiểm soát, Thư ký: 2 triệu VNĐ/tháng.

Tổng cộng thù lao của Hội đồng quản trị năm 2014 là: 151,2 triệu đồng, Ban Kiểm soát là 72 triệu đồng, Thư ký là 22,5 triệu đồng. Tổng cộng: 245,7 triệu đồng.



b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**





## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI PHÚ SƠN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014  
(đã được kiểm toán)

A member of  International

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn được thành lập từ phương án cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp Chăn nuôi Phú Sơn thành công ty cổ phần theo Quyết định số 868/QĐ-CT-UBT ngày 23 tháng 02 năm 2005 của chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 3600271092 (số ĐKKD cũ: 4703000267) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 19 tháng 08 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 05 tháng 09 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty: Số 101, ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Nguyễn Tử Mục	Chủ tịch
Ông Hà Văn Sơn	Phó Chủ tịch
Ông Trần Văn Cần	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Khâm	Ủy viên
Ông Lê Phước Hùng	Ủy viên

Bổ nhiệm ngày 25/04/2014

**Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Hà Văn Sơn	Giám đốc
Ông Trần Văn Cần	Phó Giám đốc

**Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:**

Ông Đinh Văn Hồng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Minh Quang	Thành viên
Bà Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;



**Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn**

Số 101, ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2015

**T.M. Ban Giám đốc**

**Giám đốc**



**Hà Văn Sơn**

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn được lập ngày 26 tháng 02 năm 2015, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2015

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Giám đốc

Bùi Văn Thảo

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0522-13-002-1

Kiểm toán viên

Trần Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2202-2013-002-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>144.903.550.222</b>	<b>90.738.099.295</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>57.415.363.476</b>	<b>14.697.871.368</b>
111	1. Tiền		1.834.474.587	1.950.474.041
112	2. Các khoản tương đương tiền		55.580.888.889	12.747.397.327
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>33.000.000.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		48.000.000.000	33.000.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.119.543.648</b>	<b>1.816.273.577</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		157.276.435	460.853.435
132	2. Trả trước cho người bán		618.015.000	628.015.000
135	5. Các khoản phải thu khác	<b>5</b>	501.528.648	884.681.577
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(157.276.435)	(157.276.435)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>38.364.643.098</b>	<b>40.418.036.172</b>
141	1. Hàng tồn kho		38.364.643.098	40.418.036.172
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>4.000.000</b>	<b>805.918.178</b>
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	801.918.178
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		4.000.000	4.000.000
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>67.193.812.853</b>	<b>69.867.168.905</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>33.753.033.739</b>	<b>38.766.453.056</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	<b>7</b>	21.208.238.723	25.024.270.959
222	- Nguyên giá		69.008.115.107	68.144.504.294
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(47.799.876.384)	(43.120.233.335)
227	3. Tài sản cố định vô hình	<b>8</b>	11.702.975.016	4.040.270.064
228	- Nguyên giá		12.546.848.213	4.729.343.018
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(843.873.197)	(689.072.954)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	<b>9</b>	841.820.000	9.701.912.033
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>11.250.000.000</b>	<b>11.250.000.000</b>
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		11.250.000.000	11.250.000.000
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>22.190.779.114</b>	<b>19.850.715.849</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	<b>11</b>	22.190.779.114	19.850.715.849
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>212.097.363.075</b>	<b>160.605.268.200</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>30.197.325.847</b>	<b>23.729.591.771</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>27.299.325.847</b>	<b>22.409.591.771</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	672.000.000	672.000.000
312	2. Phải trả người bán		7.530.927.589	7.085.240.678
313	3. Người mua trả tiền trước		358.707.000	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	3.525.702.384	621.984.080
315	5. Phải trả người lao động		5.402.218.847	3.772.186.337
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	9.809.770.027	8.876.066.754
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	1.382.113.922
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>2.898.000.000</b>	<b>1.320.000.000</b>
334	4. Vay và nợ dài hạn	15	648.000.000	1.320.000.000
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		2.250.000.000	-
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>181.900.037.228</b>	<b>136.875.676.429</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	16	<b>181.900.037.228</b>	<b>136.875.676.429</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		45.000.000.000	45.000.000.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		3.073.032.731	2.634.605.294
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		75.865.250.717	75.556.568.982
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		4.500.000.000	4.500.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		53.461.753.780	9.184.502.153
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>212.097.363.075</b>	<b>160.605.268.200</b>

Người lập



Lê Thị Anh

Quyền Kế toán trưởng



Đinh Trung Liêm

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2015



Hà Văn Sơn



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	263.261.583.650	189.704.180.700
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		263.261.583.650	189.704.180.700
11	4. Giá vốn hàng bán	18	189.362.658.697	175.842.178.322
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		73.898.924.953	13.862.002.378
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	7.949.310.212	5.183.559.834
22	7. Chi phí tài chính	20	108.002.000	151.230.000
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>108.002.000</i>	<i>151.230.000</i>
24	8. Chi phí bán hàng	21	77.582.000	71.276.000
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	8.424.440.967	4.292.970.297
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		73.238.210.198	14.530.085.915
31	11. Thu nhập khác	23	487.518.631	1.932.143.992
32	12. Chi phí khác	24	1.427.532.043	2.556.155.596
40	13. Lợi nhuận khác		(940.013.412)	(624.011.604)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		72.298.196.786	13.906.074.311
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	15.981.420.573	3.492.548.005
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>56.316.776.213</u>	<u>10.413.526.306</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	12.515	2.314

Người lập



Lê Thị Anh

Quyền Kế toán trưởng



Đinh Trung Liêm

Đồng Nai ngày 26 tháng 02 năm 2015



Hà Văn Sơn

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		72.298.196.786	13.906.074.311
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		5.609.851.041	5.291.627.666
03	- Các khoản dự phòng		-	(243.000.000)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.718.355.131)	(5.458.779.928)
06	- Chi phí lãi vay		108.002.000	151.230.000
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		71.297.694.696	13.647.152.049
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		800.776.593	1.508.013.862
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.053.393.074	6.180.141.578
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		4.094.864.757	(7.522.763.992)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.340.063.265)	(3.176.107.423)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(108.002.000)	(151.230.000)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(11.735.127.921)	(2.120.488.367)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		217.820.000	1.367.674.513
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.746.396.000)	(16.455.609.709)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		62.534.959.934	(6.723.217.489)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(707.575.000)	(7.093.871.596)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		183.773.500	1.576.101.318
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(48.000.000.000)	(11.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		33.000.000.000	13.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.628.333.674	4.662.574.224
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.895.467.826)	644.803.946



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(672.000.000)	(672.000.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(11.250.000.000)	(3.600.000.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(11.922.000.000)</i>	<i>(4.272.000.000)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		42.717.492.108	(10.350.413.543)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		14.697.871.368	25.048.284.911
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>57.415.363.476</u>	<u>14.697.871.368</u>

Người lập

Lê Thị Anh

Quyền Kế toán trưởng

Đinh Trung Liêm

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2015



Hà Văn Sơn

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2014

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn được thành lập từ phương án cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước XI nghiệp Chăn nuôi Phú Sơn thành công ty cổ phần theo Quyết định số 868/QĐ-CT-UBT ngày 23 tháng 02 năm 2005 của chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

Trụ sở chính của Công ty: Số 101, ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty là 45.000.000.000 đồng; tương đương 4.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Thông tin về công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 10.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Chăn nuôi lợn;
- Chăn nuôi đà điểu;
- Bán buôn các loại gia súc, gia cầm và những vật nuôi khác như cá sấu, đà điểu, ba ba, rắn và các loại nông sản, nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc chăn nuôi;
- Chăn nuôi khác: rắn, ba ba, cá sấu;
- Bán buôn thủy sản;
- Chế biến súc sản, thủy sản;
- Cố vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ chăn nuôi;
- Xây dựng chuồng trại, cơ sở hạ tầng;
- Sản xuất nguyên liệu, chế biến thức ăn gia súc chăn nuôi;
- Sản xuất thủy sản;
- Bán buôn xăng dầu, nhớt (theo mạng lưới xăng dầu của tỉnh);
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh hạ tầng khu dân cư.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.



*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**2.3 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

*Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.5 . Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**2.6 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Súc vật làm việc và cho sản phẩm	04 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	15 - 45 năm

## 2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

## 2.9 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

## 2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



## 2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.12 . Ghi nhận doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.13 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.14 . Các khoản thuế

### Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

## 2.15 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	208.428.086	539.189.086
Tiền gửi ngân hàng	1.626.046.501	1.411.284.955
Các khoản tương đương tiền (*)	55.580.888.889	12.747.397.327
	<b>57.415.363.476</b>	<b>14.697.871.368</b>

(\*) Chi tiết:

- Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Trảng Bom, số tiền 29.080.888.889 đồng, lãi suất từ 5%/năm đến 5,5%/năm.
- Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đồng Nai, số tiền 5.000.000.000 đồng, lãi suất từ 4,9%/năm đến 5,5%/năm.
- Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Đồng Nai, số tiền 8.000.000.000 đồng, lãi suất 5,6%/năm.
- Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai, số tiền 13.500.000.000 đồng, lãi suất từ 5%/năm đến 6%/năm.

## 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	48.000.000.000	-
Cho Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai vay	-	33.000.000.000
	<b>48.000.000.000</b>	<b>33.000.000.000</b>



(\*) Chi tiết:

- Tiền gửi có kỳ hạn 7 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồng Nai, số tiền 20.000.000.000 đồng, lãi suất 5,4%/năm.
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đồng Nai, số tiền 15.000.000.000 đồng, lãi suất từ 5,3%/năm đến 5,5%/năm.
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai, số tiền 13.000.000.000 đồng, lãi suất từ 5,3%/năm đến 5,7%/năm.

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Phải thu về thuế TNCN của CBCNV	17.826.225	-
Phải thu tiền BHXH, BHYT của CBCNV	173.955.759	266.370.466
Phải thu Bà Diệp Thị Thanh Quý - làm thất thoát quỹ	205.700.000	233.200.000
Phải thu khác	104.046.664	385.111.111
	<u><b>501.528.648</b></u>	<u><b>884.681.577</b></u>

6 . HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
Nguyên liệu, vật liệu	16.904.172.417	18.670.558.367
Công cụ, dụng cụ	19.125.500	2.400.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.441.345.181	21.745.077.805
	<u><b>38.364.643.098</b></u>	<u><b>40.418.036.172</b></u>



7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Súc vật làm việc và cho sản phẩm	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>							
Số dư đầu năm	50.362.619.149	11.414.731.787	2.283.395.200	271.000.000	3.652.198.090	160.560.068	68.144.504.294
Số tăng trong năm	2.388.190.605	174.580.000	170.000.000	-	-	-	2.732.770.605
- Mua trong năm	-	174.580.000	170.000.000	-	-	-	344.580.000
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	2.388.190.605	-	-	-	-	-	2.388.190.605
Số giảm trong năm	-	-	-	-	(1.708.599.724)	(160.560.068)	(1.869.159.792)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(1.708.599.724)	-	(1.708.599.724)
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	(160.560.068)	(160.560.068)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>52.750.809.754</b>	<b>11.589.311.787</b>	<b>2.453.395.200</b>	<b>271.000.000</b>	<b>1.943.598.366</b>	<b>-</b>	<b>69.008.115.107</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu năm	32.468.133.056	7.153.314.298	1.899.608.533	259.250.000	1.179.367.380	160.560.068	43.120.233.335
Số tăng trong năm	3.661.515.712	1.202.216.919	119.875.278	11.750.000	459.692.889	-	5.455.050.798
- Khấu hao trong năm	3.661.515.712	1.202.216.919	119.875.278	11.750.000	459.692.889	-	5.455.050.798
Số giảm trong năm	-	-	-	-	(614.847.681)	(160.560.068)	(775.407.749)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(614.847.681)	-	(614.847.681)
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	(160.560.068)	(160.560.068)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>36.129.648.768</b>	<b>8.355.531.217</b>	<b>2.019.483.811</b>	<b>271.000.000</b>	<b>1.024.212.588</b>	<b>-</b>	<b>47.799.876.384</b>
<b>Giá trị còn lại</b>							
Tại ngày đầu năm	17.894.486.093	4.261.417.489	383.786.667	11.750.000	2.472.830.710	-	25.024.270.959
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>16.621.160.986</b>	<b>3.233.780.570</b>	<b>433.911.389</b>	<b>-</b>	<b>919.385.778</b>	<b>-</b>	<b>21.208.238.723</b>

(\*) Giảm do không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định hữu hình.

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.721.550.001 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 17.306.375.762 đồng

**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	4.646.000.000	83.343.018	4.729.343.018
Số tăng trong năm	7.817.505.195	-	7.817.505.195
- Mua trong năm (*)	7.817.505.195	-	7.817.505.195
Số giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>12.463.505.195</b>	<b>83.343.018</b>	<b>12.546.848.213</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	605.729.936	83.343.018	689.072.954
Số tăng trong năm	154.800.243	-	154.800.243
- Khấu hao trong năm	154.800.243	-	154.800.243
Số giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>760.530.179</b>	<b>83.343.018</b>	<b>843.873.197</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	4.040.270.064	-	4.040.270.064
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>11.702.975.016</b>	<b>-</b>	<b>11.702.975.016</b>

(\*) Trong đó bao gồm giá trị quyền sử dụng đất tại xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ và xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc với tổng nguyên giá là 7.524.510.195 đồng. Đây là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài mua để triển khai dự án phát triển Công ty trong tương lai. Đến thời điểm 31/12/2014 các thủ tục pháp lý liên quan đến việc chuyển quyền sử dụng đất sang tên Công ty vẫn đang tiếp tục được hoàn tất.

**9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>841.820.000</b>	<b>2.177.401.838</b>
- Xây dựng trại heo Xuân Lộc	841.820.000	771.820.000
- Xây dựng hầm Biogas trại Phú Sơn	-	1.405.581.838
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>-</b>	<b>7.524.510.195</b>
- Mua đất tại xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ	-	1.821.047.500
- Mua đất tại xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc	-	5.703.462.695
	<b>841.820.000</b>	<b>9.701.912.033</b>

**10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>		
- Công ty CP Đầu tư và Quản lý KLH công nông nghiệp Đồng Nai (Agropark)	11.250.000.000	11.250.000.000
	<b>11.250.000.000</b>	<b>11.250.000.000</b>





**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư và Quản lý KLH công nông nghiệp Đồng Nai (Agropark)	Tỉnh Đồng Nai	28,57%	28,57%	Đầu tư xây dựng, dịch vụ

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2014	Năm 2013 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Số dư đầu năm	19.850.715.849	16.674.608.426
Số tăng trong năm	15.762.936.559	17.014.632.256
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(13.422.873.294)	(13.838.524.833)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>22.190.779.114</b>	<b>19.850.715.849</b>
<b>Trong đó, chi tiết số dư cuối năm bao gồm:</b>		
	31/12/2014	01/01/2014 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Giá trị đàn heo nái, heo đực cơ bản	17.993.772.537	18.317.232.558
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	351.075.819	206.507.781
Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	1.241.160.723	1.258.225.510
Chi phí thuê đất khu liên hợp công nông nghiệp Dofico	2.604.770.035	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	68.750.000
	<b>22.190.779.114</b>	<b>19.850.715.849</b>

**12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>		
- Quỹ đầu tư Phát triển Đồng Nai (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 15)	672.000.000	672.000.000
	<b>672.000.000</b>	<b>672.000.000</b>

**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	01/01/2014 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	3.405.585	6.404.762
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.444.374.474	-
Thuế Thu nhập cá nhân	77.922.325	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	615.579.318
	<b>3.525.702.384</b>	<b>621.984.080</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	40.360	31.243.644
Phải trả cổ tức cho cổ đông	1.300.500	1.300.500
Tiền bồi thường, hỗ trợ di dời Trại heo Đông Phương (*)	8.816.320.400	8.816.320.400
Phải trả Công ty TNHH Hoài Nam Hoài Bắc - tạm tăng tài sản	982.608.767	-
Phải trả, phải nộp khác	9.500.000	27.202.210
	<u><b>9.809.770.027</b></u>	<u><b>8.876.066.754</b></u>

(\*) Số tiền bồi thường, hỗ trợ di dời theo Quyết định số 6496/QĐ-UBND ngày 14/11/2012 của UBND TP Biên Hòa về việc bồi thường, hỗ trợ cho trại heo Đông Phương tại khu phố 10 phường Hồ Nai, do thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Nhà máy xử lý nước thải số 01 tại phường Hồ Nai, TP Biên Hòa. Số tiền này, Công ty Cổ phần chăn nuôi Phú Sơn sử dụng thực hiện đầu tư dự án xây dựng trại heo mới tại vùng quy hoạch phát triển chăn nuôi của Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý khu liên hợp công nông nghiệp Đồng Nai (Agropark) tại huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

**15 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
- Vay Quỹ đầu tư Phát triển Đồng Nai (*)	648.000.000	1.320.000.000
	<u><b>648.000.000</b></u>	<u><b>1.320.000.000</b></u>

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn**

(\*) Hợp đồng cho vay vốn tín dụng bảo vệ môi trường số 44/2011/HĐTD/TD-MT ngày 27/07/2011, với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền cho vay: 3.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Đầu tư xây dựng hầm Biogas và hồ chứa nước thải tại ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- Lãi suất cho vay: 6,3%/năm;
- Hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 43/2011/HĐTC-TD ngày 07/12/2011;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 1.320.000.000 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 672.000.000 đồng.

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Vốn khác của Chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>1.739.544.486</b>	<b>847.499</b>	<b>65.632.242.457</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>14.419.387.333</b>	<b>131.292.021.775</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	10.413.526.306	10.413.526.306
Trích lập Quỹ ĐTP và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	895.060.808	-	9.924.326.525	-	(10.819.387.333)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.229.024.153)	(1.229.024.153)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(3.600.000.000)	(3.600.000.000)
Giảm khác	-	-	(847.499)	-	-	-	(847.499)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>2.634.605.294</b>	<b>-</b>	<b>75.556.568.982</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>9.184.502.153</b>	<b>136.875.676.429</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	56.316.776.213	56.316.776.213
Trích lập Quỹ ĐTP và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ <sup>(1)</sup>	-	438.427.437	-	308.681.735	-	(747.109.172)	-
Trích lập bổ sung quỹ KTPL và quỹ khen thưởng BDH <sup>(1)</sup>	-	-	-	-	-	(42.415.414)	(42.415.414)
Chi trả cổ tức năm 2013 <sup>(1)</sup>	-	-	-	-	-	(6.750.000.000)	(6.750.000.000)
Tạm chia cổ tức năm 2014 <sup>(2)</sup>	-	-	-	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>3.073.032.731</b>	<b>-</b>	<b>75.865.250.717</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>53.461.753.780</b>	<b>181.900.037.228</b>

(1) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 18/NQ-ĐH ngày 25 tháng 04 năm 2014.

(2) Công ty tạm chia cổ tức năm 2014 theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT ngày 14/11/2014 của Hội đồng quản trị, tỷ lệ tạm chia là 10%/vốn điều lệ.



**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Tỷ lệ</u> (%)	<u>Cuối năm</u> VND	<u>Tỷ lệ</u> (%)	<u>Đầu năm</u> VND
Vốn góp của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	73,56	33.100.880.000	73,56	33.100.880.000
Vốn góp của đối tượng khác	26,44	11.899.120.000	26,44	11.899.120.000
	<b>100,00</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>45.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	45.000.000.000	45.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	45.000.000.000	45.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	45.000.000.000	45.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	11.250.000.000	3.600.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	6.750.000.000	3.600.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	4.500.000.000	-

**d) Cổ phiếu**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.500.000	4.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.500.000	4.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

**e) Các quỹ công ty**

	<u>31/12/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
Quỹ đầu tư phát triển	75.865.250.717	75.556.568.982
Quỹ dự phòng tài chính	4.500.000.000	4.500.000.000
	<b>80.365.250.717</b>	<b>80.056.568.982</b>

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
  - + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.
  - + Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

**17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2014</u> VND	<u>Năm 2013</u> VND
Doanh thu bán hàng	263.261.583.650	189.704.180.700
	<b>263.261.583.650</b>	<b>189.704.180.700</b>

105-0  
NHÀ  
SỞ T  
KIỂM  
SAS  
-TP

**18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2014	Năm 2013 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Giá vốn của hàng đã bán	189.362.658.697	175.842.178.322
	<b><u>189.362.658.697</u></b>	<b><u>175.842.178.322</u></b>

**19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	4.028.333.674	4.035.185.335
Chiết khấu thanh toán	320.976.538	135.027.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	3.600.000.000	1.012.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	847.499
	<b><u>7.949.310.212</u></b>	<b><u>5.183.559.834</u></b>

(\*) Nhận lợi nhuận liên doanh từ dự án hợp tác đầu tư xây dựng khu dân cư Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai theo hợp đồng hợp tác liên doanh số 18 ngày 07/08/2009 (giá trị khoản đầu tư theo hợp đồng là 6.816.960.000 đồng đã được Công ty thu hồi vào năm 2012).

**20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	108.002.000	151.230.000
	<b><u>108.002.000</u></b>	<b><u>151.230.000</u></b>

**21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân công	40.332.000	33.722.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.250.000	37.106.000
Chi phí khác bằng tiền	-	448.000
	<b><u>77.582.000</u></b>	<b><u>71.276.000</u></b>

**22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2014	Năm 2013 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.649.288.042	3.236.202.607
Chi phí khấu hao tài sản cố định	264.630.808	109.830.565
Thuế, phí, lệ phí	16.716.836	138.106.532
Chi phí dự phòng	-	(243.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.877.019	72.885.685
Trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	2.250.000.000	-
Chi phí khác bằng tiền	2.195.928.262	978.944.908
	<b><u>8.424.440.967</u></b>	<b><u>4.292.970.297</u></b>

**23 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	183.773.500	1.576.101.318
Thu nhập từ cho thuê kho, cửa hàng	106.799.988	73.900.000
Thu nhập khác	196.945.143	282.142.674
	<b>487.518.631</b>	<b>1.932.143.992</b>

**24 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
Chi phí thanh lý tài sản	1.093.752.043	1.165.006.725
Chi phí phạt vi phạm hành chính và phạt vi phạm môi trường	-	112.000.000
Chi phí làm đường B15 theo Quyết định của UBND xã Xuân Thọ	-	709.457.708
Chi phí khấu hao trại gà không hoạt động sản xuất	120.560.000	120.560.000
Chi thưởng HDQT, BKS không tham gia sản xuất	116.100.000	69.600.000
Chi hỗ trợ công nhân bị tai nạn lao động	60.000.000	65.000.000
Chi phí khác	37.120.000	314.531.163
	<b>1.427.532.043</b>	<b>2.556.155.596</b>

**25 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	72.298.196.786	13.906.074.311
Các khoản điều chỉnh tăng	344.624.000	1.076.617.708
- Chi phí không hợp lệ	344.624.000	1.076.617.708
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(1.012.500.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	72.642.820.786	13.970.192.019
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	25%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>15.981.420.573</b>	<b>3.492.548.005</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(801.918.178)	(2.173.977.816)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(11.735.127.921)	(2.120.488.367)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>3.444.374.474</b>	<b>(801.918.178)</b>



**26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2014	Năm 2013 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	56.316.776.213	10.413.526.306
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	56.316.776.213	10.413.526.306
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.500.000	4.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>12.515</b>	<b>2.314</b>

**27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	162.502.103.347	166.119.535.985
Chi phí nhân công	21.344.678.441	18.412.025.058
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.609.851.041	5.732.863.145
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.933.629.573	1.856.012.968
Chi phí khác bằng tiền	8.149.806.996	2.770.410.430
	<b>199.540.069.398</b>	<b>194.890.847.586</b>

**28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.415.363.476	-	14.697.871.368	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	658.805.083	(157.276.435)	1.345.535.012	(157.276.435)
Các khoản cho vay	48.000.000.000		33.000.000.000	
	<b>106.074.168.559</b>	<b>(157.276.435)</b>	<b>49.043.406.380</b>	<b>(157.276.435)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	1.320.000.000	1.992.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	17.340.697.616	15.961.307.432
	<b>18.660.697.616</b>	<b>17.953.307.432</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.415.363.476	-	-	57.415.363.476
Phải thu khách hàng, phải thu khác	501.528.648	-	-	501.528.648
Các khoản cho vay	48.000.000.000	-	-	48.000.000.000
	<b>105.916.892.124</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>105.916.892.124</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.697.871.368	-	-	14.697.871.368
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.188.258.577	-	-	1.188.258.577
Các khoản cho vay	33.000.000.000	-	-	33.000.000.000
	<b>48.886.129.945</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>48.886.129.945</b>

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.



Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Vay và nợ	672.000.000	648.000.000	-	1.320.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	17.340.697.616	-	-	17.340.697.616
	<b>18.012.697.616</b>	<b>648.000.000</b>	<b>-</b>	<b>18.660.697.616</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Vay và nợ	672.000.000	1.320.000.000	-	1.992.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	15.961.307.432	-	-	15.961.307.432
	<b>16.633.307.432</b>	<b>1.320.000.000</b>	<b>-</b>	<b>17.953.307.432</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## 29 . THÔNG TIN KHÁC

Theo Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 28/03/2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt danh sách di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đợt 1, Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn phải hoàn thành di dời khỏi ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn trước ngày 31/12/2014.

Theo Công văn 3694/UBND-KT ngày 16/05/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc gia hạn thời gian di dời trại heo Phú Sơn, sau khi Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét nội dung Văn bản số 950/BB-SNN-KHTC ngày 15/04/2013 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn báo cáo thay biên bản cuộc họp về việc thống nhất nội dung phương án di dời trại chăn nuôi Phú Sơn, chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận chủ trương cho phép Công ty gia hạn thời gian hoàn thành phương án di dời trại chăn nuôi Phú Sơn đến hết năm 2018.

## 30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

## 31 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Trong năm, Công ty có doanh thu từ hoạt động kinh doanh chăn nuôi heo và hoạt động kinh doanh nuôi cá sấu, doanh thu từ hoạt động kinh doanh nuôi cá sấu chiếm tỷ lệ rất nhỏ trên tổng doanh thu trong năm của Công ty (chiếm tỷ lệ khoảng 1%). Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.



### 32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Mua nguyên liệu, dịch vụ</b>			
- Tổng Công ty Công nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	Công ty mẹ	9.947.036.595	-
- Công ty Nông nghiệp Đồng Nai	CN trực thuộc Công ty mẹ	11.127.663.885	-
- Trung tâm Văn miếu Trấn Biên	CN trực thuộc Công ty mẹ	100.000.000	-
<b>Chi phí thuê đất</b>			
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Khu liên hợp Công nông nghiệp Đồng Nai (Agropark)	Công ty liên kết	2.627.109.400	-
<b>Lãi cho vay vốn</b>			
- Tổng Công ty Công nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	Công ty mẹ	762.138.890	2.924.569.444

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Phải thu tiền cho vay vốn</b>			
- Tổng Công ty Công nghiệp thực Phẩm Đồng Nai	Công ty mẹ	-	33.000.000.000
<b>Phải trả tiền hàng</b>			
- Công ty Nông nghiệp Đồng Nai	CN trực thuộc Công ty mẹ	790.735.960	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
- Thu nhập của Hội đồng quản trị	240.000.000	136.800.000
- Thu nhập của Ban Giám đốc	867.438.000	1.003.469.400

### 33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013 căn cứ trên Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước ngày 05/09/2014. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Trình bày trên báo cáo tài chính năm nay VND	Trình bày trên báo cáo tài chính năm trước VND	Số liệu điều chỉnh hồi tố VND
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Hàng tồn kho	141	40.418.036.172	39.442.552.042	975.484.130
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	801.918.178	1.350.244.034	(548.325.856)
Tài sản cố định hữu hình	221	25.024.270.959	24.583.035.480	441.235.479

108-C  
NH  
NH  
TOÁN  
C  
TỔ CHỨC



	Mã số	Trình bày trên báo cáo tài chính năm nay VND	Trình bày trên báo cáo tài chính năm trước VND	Số liệu điều chỉnh hồi tố VND
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(43.120.233.335)	(43.561.468.814)	441.235.479
Chi phí trả trước dài hạn	261	19.850.715.849	18.458.552.717	1.392.163.132
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	621.984.080	6.404.762	615.579.318
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	9.184.502.153	7.539.524.586	1.644.977.567
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh</b>				
Giá vốn hàng bán	11	175.842.178.322	178.418.991.846	(2.576.813.524)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	4.292.970.297	4.194.591.359	98.378.938
Chi phí khác	32	2.556.155.596	2.271.024.433	285.131.163
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	13.906.074.311	11.712.770.888	2.193.303.423
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	3.492.548.005	2.944.222.149	548.325.856
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	10.413.526.306	8.768.548.739	1.644.977.567
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.314	1.949	365
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01	13.906.074.311	11.712.770.888	2.193.303.423
Khấu hao tài sản cố định	02	5.291.627.666	5.732.863.145	(441.235.479)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	6.180.141.578	7.155.625.708	(975.484.130)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(7.522.763.992)	(8.138.343.310)	615.579.318
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.176.107.423)	(1.783.944.291)	(1.392.163.132)

Người lập



Lê Thị Anh

Quyền Kế toán trưởng



Đinh Trung Liêm

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2015

Giám đốc



Hà Văn Sơn

**CTCP CHĂN NUÔI PHÚ SƠN**  
**GIAM ĐỐC**



**HÀ VĂN SƠN**